

# LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

27

NHÀ TRẦN SUY VONG



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



*Chủ biên*  
**TRẦN BẠCH ĐĂNG**  
*Biên soạn*  
**LÊ VĂN NĂM**  
*Họa sĩ*  
**NGUYỄN QUANG VINH**



# **LỊCH SỬ VIỆT NAM**

---

## **BẰNG TRANH**

**TẬP 27: NHÀ TRẦN SUY VONG**

Tái bản lần thứ mười một

**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện  
Họa sĩ thể hiện: Lương Định Quốc  
Biên tập hình ảnh: Tô Hoài Đạt  
Đồ họa vi tính: Tú Bình

---

BIỂU/GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM  
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Nhà Trần suy vong/ Trần Bạch Đằng chủ biên; Lê Văn Năm biên soạn; họa sĩ Nguyễn  
Quang Vinh Tái bản lần thứ 11 TP. Hồ Chí Minh; Trẻ, 2013  
104 tr.; 20cm. (Lịch sử Việt Nam bằng tranh; T.27)  
1. Việt Nam Lịch sử Triều nhà Trần, 12251400 Sách tranh. I. Trần Bạch Đằng. II. Lê  
Văn Năm. III. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.  
1. Vietnam History Trần dynasty, 12251400 Pictorial works.

959.7024 — dc 22  
N577

## LỜI GIỚI THIỆU

*Sau những tháng ngày hưng thịnh, triều Trần dần đi vào con đường suy vong. Tầng lớp quý tộc lợi dụng quyền thế chiếm đoạt đất đai của dân, mở rộng điền trang, thái ấp. Vua chuộng việc ăn chơi, thích kẻ đua nịnh. Người tài giỏi, cương trực dần vắng bóng trong triều. Cuộc sống của dân chúng trở nên lầm than, cơ cực.*

*Các vua Trần chủ trương phát động chiến tranh với lân bang để củng cố nền thống trị trong nước và đề cao uy thế với nước ngoài. Thế nhưng giờ đây lực lượng nhà Trần đã suy yếu, không còn chống đỡ nổi những cuộc tấn công của Chiêm Thành. Sự suy sụp ấy càng nhanh chóng hơn bởi tranh chấp ngay trong triều đình nhà Trần.*

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 27 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Nhà Trần suy vong” phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Nguyễn Quang Vinh thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 27 của bộ Lịch sử Việt Nam bằng tranh.*

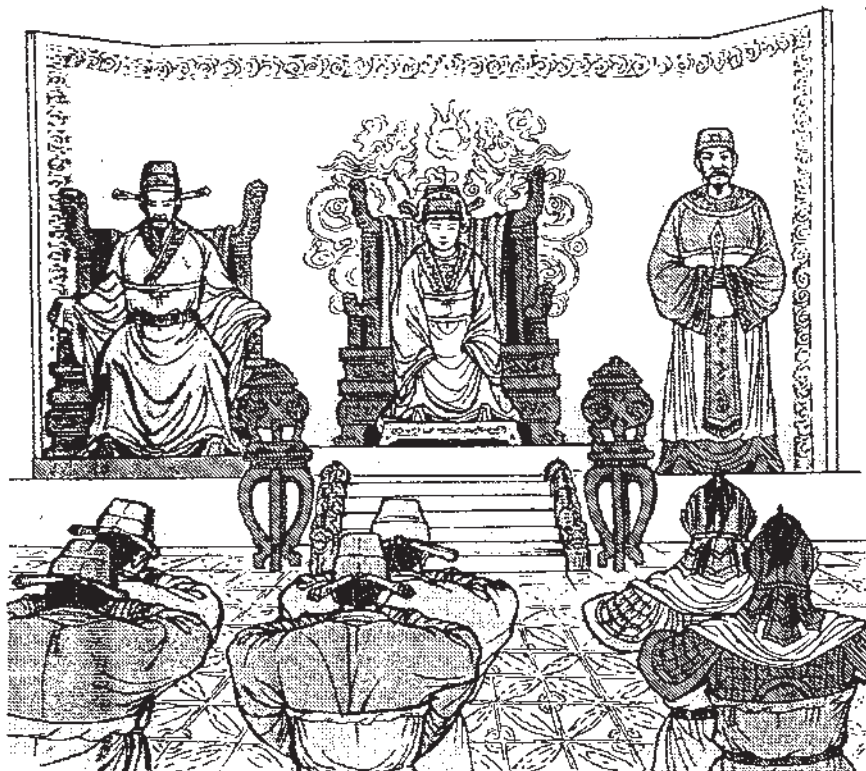
**NHÀ XUẤT BẢN TRẺ**

Vận trời xưa nay, thịnh tất đến suy. Từ vua Trần Dụ Tông, nhà Trần dần đi vào suy vong. Vua mê đắm tử sắc, tin dùng nịnh thần lại không có bậc tôi hiền gắng sức, nên suy vong là chuyện hiển nhiên.

Vua Duệ Tông lại chẳng biết khoan sức dân, dốc hết tinh lực ít ỏi của nước nhà vào việc chinh phạt. Việc không thành, sức dân cạn kiệt, khởi nghĩa nông dân nổi lên khắp nơi. Đó cũng chính là thời cơ cho nhà Hồ chuyên quyền và lên ngôi.



Trần Hiến Tông mất sớm, không con nối ngôi. Thượng hoàng Minh Tông lập Trần Hạo, người con thứ mười của mình lên làm vua tức Trần Dụ Tông. Khi ấy Dụ Tông mới 6 tuổi nên thực tế mọi việc triều chính đều do Thượng Hoàng Minh Tông lo liệu. Vì thế, việc triều chính vẫn giữ được nề nếp cũ. Nhưng vào năm 1357, Thượng hoàng băng hà, Dụ Tông tự trông coi việc nước. Từ đó, việc triều chính trở nên rối loạn.



Dụ Tông ưa thích những kẻ dua nịnh nên trong triều nên bọn gian thần ngày càng đông. Chúng nhờ vào việc nịnh hót mà được vua tin yêu, cất nhắc vào những chức vụ quan trọng. Công việc của triều đình dần dần bị bọn này chi phối.







Dụ Tông bỏ bê việc triều chính, suốt ngày mãi ăn chơi, hát xướng. Để có nhiều tuồng hát mới và các trò vui cho những buổi trình diễn tổ chức thường xuyên tại cung đình, Dụ Tông ra lệnh cho các vương hầu, công chúa phải soạn tuồng hát hoặc nghĩ ra các trò tạp diễn để dâng lên cho vua duyệt xét. Tuồng hay, trò hay sẽ được ban thưởng hậu hĩ.





Các vua đầu triều Trần nghiêm cấm đánh bạc, nhưng đến đời Dụ Tông thì khác hẳn. Dụ Tông rất mê bài bạc. Nhà vua cho gọi những người giàu có trong nước vào cung đánh bạc cho vui. Nhiều cự phú ở làng Đình Bảng (thuộc Bắc Ninh), làng Đình Nga (thuộc Quốc Oai, Hà Nội ngày nay) là những tay cờ bạc thường lui tới cung vua đánh bạc thâu đêm suốt sáng. Số tiền đặt trong các ván bạc rất lớn, có khi lên đến 300 quan.

Hết bài bạc lại rượu chè, để làm trò vui, Dụ Tông còn cho các quan cùng nhau uống rượu thi, ai uống nhiều hơn thì được thăng phẩm trật. Bọn quan lại thói nát lợi dụng cơ hội này để thăng quan tiến chức. Có lần, viên quan tên Bùi Khoan lập mẹo vờ uống được 100 thung rượu. Dụ Tông thích lắm, thưởng cho y được thăng hai trật một lúc.





Bấy giờ có Chu Văn An đang giữ chức Tư nghiệp Quốc tử giám vốn là một nhà Nho, nhà giáo nổi tiếng thẳng thắn, thanh liêm. Ông quê ở xã Quang Liệt (nay là xã Thanh Liệt thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội) bên dòng sông Tô Lịch nước quanh năm trong mát. Đồi bên bờ sông là những vườn lê chi xanh tươi, với những chùm quả trĩu cành, thơm ngon hiếm có.



Khi còn tuổi trẻ, Chu Văn An đã nổi tiếng là người có học vấn uyên thâm. Nhưng chẳng màng đến danh lợi nên ông không tham dự các kỳ thi triều đình vẫn tổ chức để tuyển chọn người ra làm quan mà chỉ thích ở nhà đọc sách, ngâm vịnh. Nơi ông ở được dân chúng trong vùng gọi là thôn Văn.

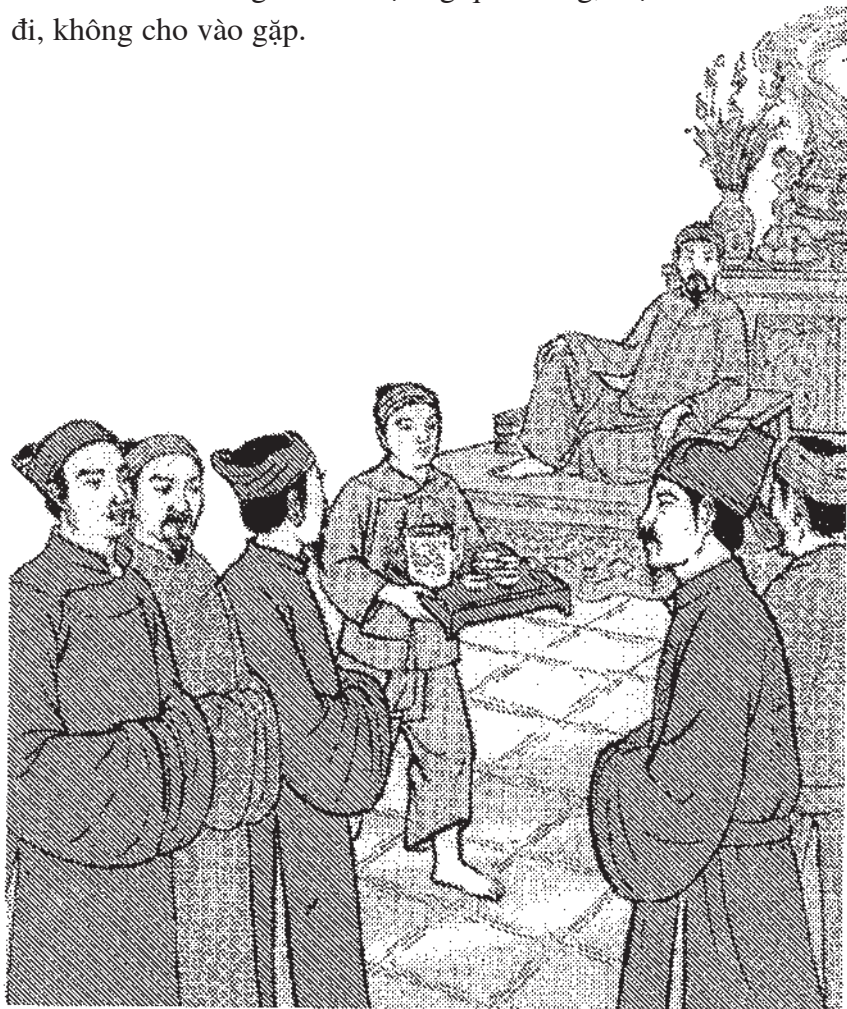


Chu Văn An chọn một khu đất cao bên một cái đầm lớn giữa cánh đồng để mở trường dạy học. Ông tuy rất nghiêm khắc nhưng cũng rất hiếu tính tình và tài năng của từng học trò để kèm cặp dạy dỗ một cách chu đáo. Vì thế, danh tiếng của ông xa gần đều biết. Người xin theo học rất đông.





Trong số môn đệ của ông, sau này nhiều người thành đạt làm quan trong triều. Có người giữ những chức vụ quan trọng, chẳng hạn như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát. Học trò ông, dù làm quan to, khi về thăm thầy đều giữ lễ, quỳ lạy bên giường rất mực cung kính và tỏ ra rất mừng khi được thầy trò chuyện ít câu. Nhưng người nào làm điều không tốt vẫn bị ông quở mắng, thậm chí còn đuổi đi, không cho vào gặp.



Dưới thời Minh Tông, nghe tiếng về đạo đức và tài học của Chu Văn An, nhà vua cho vời ông về triều trao cho chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám, ngôi trường quan trọng nhất trong nước thời ấy, đồng thời giao cho việc dạy dỗ Thái tử Trần Vương. Chu Văn An đã đem hết tâm huyết truyền dạy cho Thái tử với hy vọng sau này Trần Vương sẽ là một vị vua anh minh.

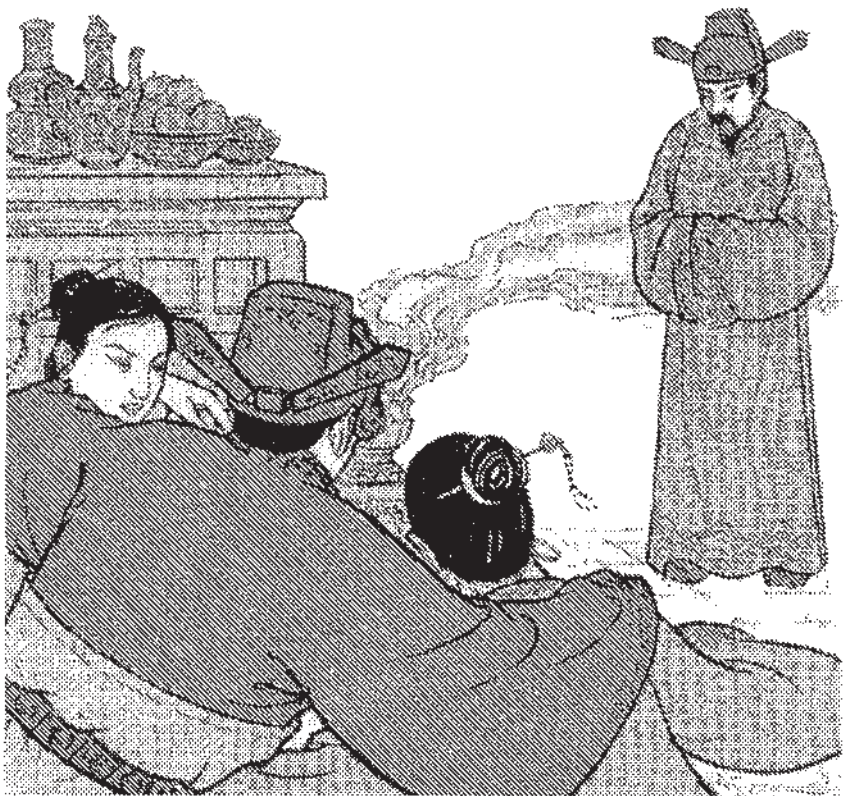


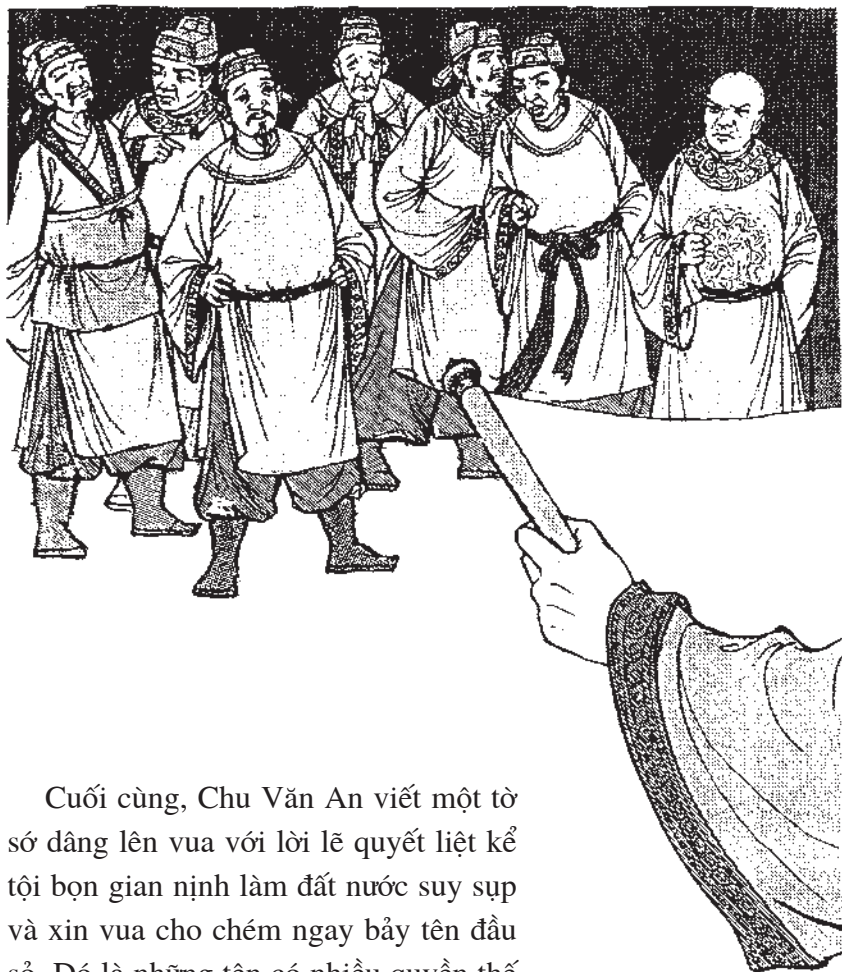


Cho nên, dưới triều Hiến Tông, triều chính vẫn ổn định, mọi việc giữ được nếp cũ nhờ có Chu Văn An và nhiều vị quan tài giỏi khác như Mạc Đĩnh Chi, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh và Nguyễn Trung Ngạn v.v... hết lòng trông coi việc nước. Tuy nhiên, vua Hiến Tông mất sớm, sau đó Thượng hoàng cũng băng hà, việc nước ngày càng trở nên rối loạn bởi những trò ăn chơi sa đọa của Dụ Tông. Các vị quan tài giỏi, có đức độ không còn được vua tin dùng như trước.



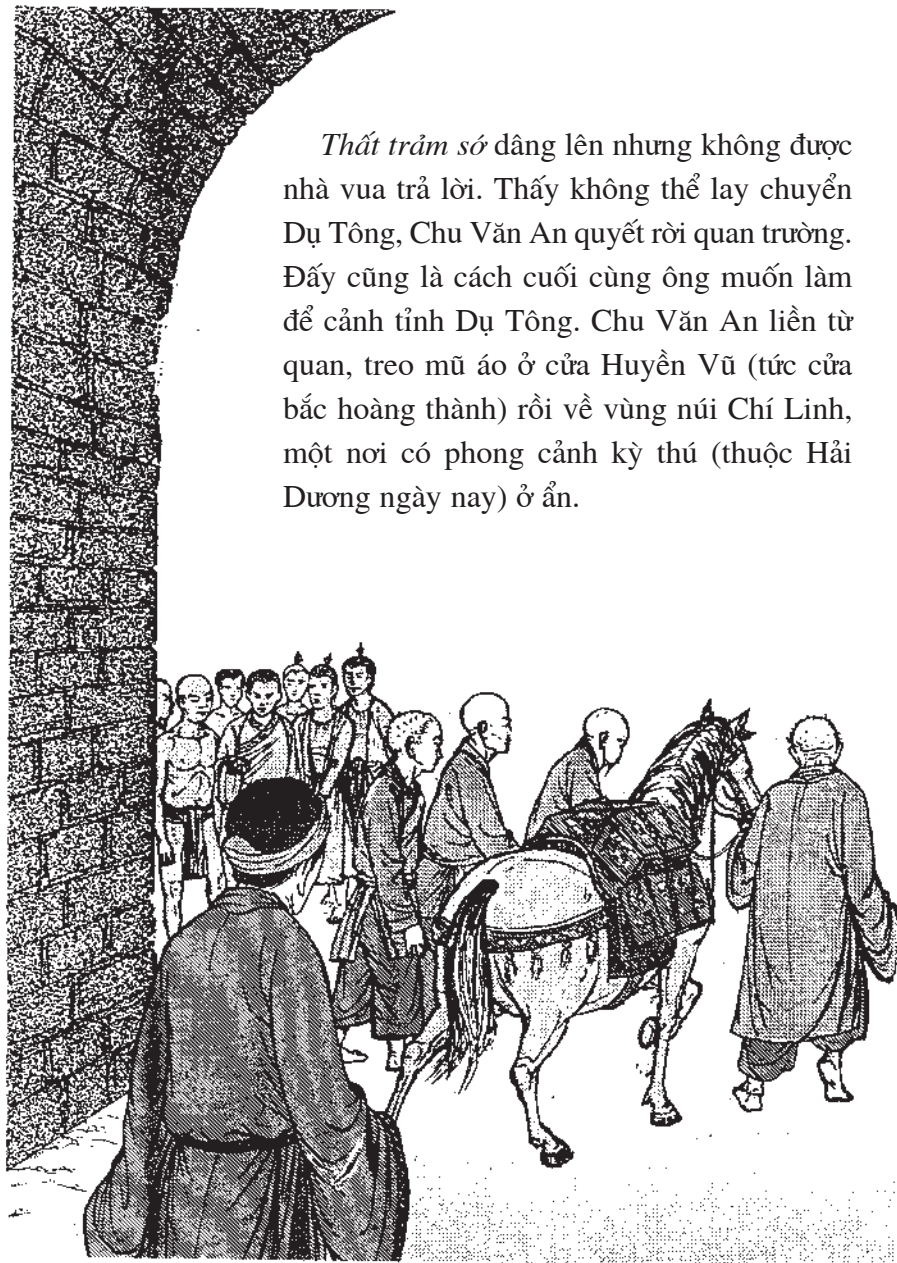
Không đành tâm nhìn đất nước mỗi ngày một suy vong do sai lầm của Dụ Tông và sự lộng hành của bọn gian thần, Chu Văn An hết lòng khuyên can nhà vua. Nhưng Dụ Tông vẫn chứng nào tật ấy, bỏ ngoài tai tất cả những lời tâm huyết của Chu Văn An.





Cuối cùng, Chu Văn An viết một tờ sớ dâng lên vua với lời lẽ quyết liệt kể tội bọn gian nịnh làm đất nước suy sụp và xin vua cho chém ngay bảy tên đầu sỏ. Đó là những tên có nhiều quyền thế và được Dụ Tông hết lòng tin yêu. Việc làm đó cho thấy Chu Văn An là người rất cương trực và dũng cảm, không sợ bọn gian thần thù oán, hãm hại.

*Thất trăm só dăng lên nhưng không được nhà vua trả lời. Thấy không thể lay chuyển Dụ Tông, Chu Văn An quyết rời quan trường. Đây cũng là cách cuối cùng ông muốn làm để cảnh tỉnh Dụ Tông. Chu Văn An liền từ quan, treo mũ áo ở cửa Huyền Vũ (tức cửa bắc hoàng thành) rồi về vùng núi Chí Linh, một nơi có phong cảnh kỳ thú (thuộc Hải Dương ngày nay) ở ẩn.*

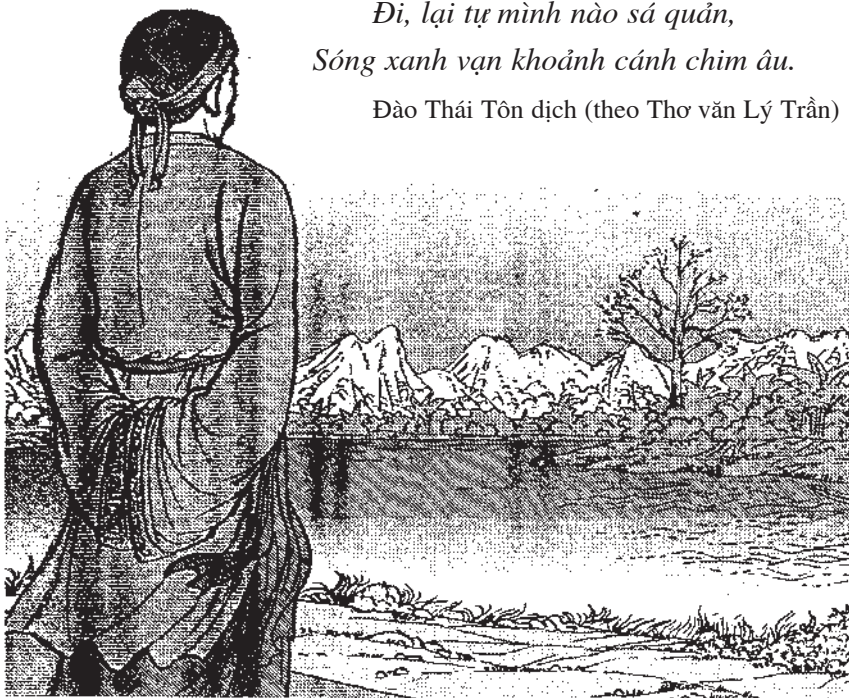




Chu Văn An làm nhà ở  
trên núi Phượng, lấy hiệu là  
Tiểu Ẩn. Ngoài việc dạy học, ông  
thường đi khắp nơi ngắm cảnh đẹp và làm  
thơ ngâm vịnh. Một lần đi qua Giang Đình, ông  
đã ghi lại xúc cảm của mình:

*Giang Đình mãi đứng đếm thuyền câu  
Gió gấp bên ghềnh gọi cảnh thu.  
Nắng xế hồng phai thi hứng cạn,  
Trời chiều xanh biếc, cảnh vui đâu.  
Công danh trôi lạc vào hư ảo,  
Hồ hải rong chơi, bớt nỗi sầu.  
Đi, lại tự mình nào sá quản,  
Sóng xanh vạn khoảnh cánh chim âu.*

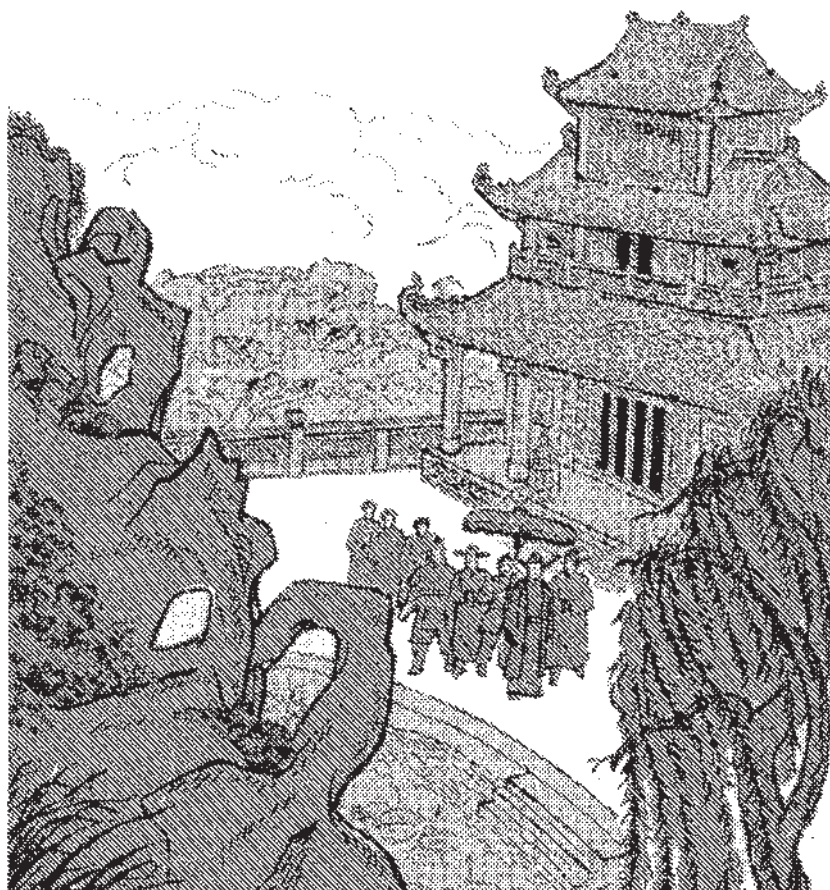
Đào Thái Tôn dịch (theo Thơ văn Lý Trần)





Sau khi Chu Văn An đi rồi, không còn ai ngăn cản, Dụ Tông càng mặc sức ăn chơi. Vào mùa đông năm 1363, Dụ Tông sai đào hồ trong vườn ngự uyển. Trong hồ, xếp đá giả sơn và khai ngòi bốn phía cho nước chảy thông nhau. Cạnh hồ là hoa viên trồng các loại thông, tre và trăm thứ hoa thơm cỏ lạ.

Vua cũng sai người đi khắp nơi tìm các loại chim quý, thú lạ về nuôi trong vườn. Cảnh hồ, Dụ Tông cho cất một tòa lầu rực rỡ. Đây là nơi nhà vua thường cùng đám cận thần đua nịnh của mình đến vui chơi, bài bạc, chè chén và xem cung nữ múa hát.





Gần đây, Dụ Tông lại sai đào một cái hồ khác nhỏ hơn. Dân chúng Hải Đông phải vất vả chở nước từ biển vào đổ đầy hồ. Trong khi đó, dân các vùng ven biển phải nhọc công tìm các loài cá lạ, các loại sinh vật biển cùng cá sấu chở đến nuôi trong hồ cho vua thưởng ngoạn.





Dụ Tông cũng thường ra khỏi kinh thành, nhưng không phải để xem xét dân tình mà để đến nhà các quan lại thân cận bày các cuộc vui. Một hôm nhà vua đi thuyền nhỏ đến chơi nhà Thiếu úy Trần Ngô Lang ở Mỹ Sở (thuộc tỉnh Hưng Yên ngày nay) đến nửa đêm. Lúc trở về Dụ Tông bị bọn cướp chặn lấy mất cả ấn và gươm báu. Tin rằng đây là điềm xấu báo trước mình sẽ không sống lâu, vua càng lao mình vào các cuộc ăn chơi.

Năm 1369, Dụ Tông lâm bệnh nặng, vì không có con nên lúc sắp mất, vua xuống chiếu truyền ngôi cho Nhật Lễ. Nguyên trước đây có một đào hát rất đẹp, vợ của một người làm trò tên Dương Khương, thường đóng vai Vương mẫu trong tuồng “Vương Mẫu hiến bàn đào”. Anh cả của Dụ Tông là Cung túc Đại vương Trần Dục say mê nhan sắc của nàng nên bắt Dương Khương phải nhường vợ cho mình. Lúc đó nàng đã có mang với Dương Khương, sau đó sinh ra Nhật Lễ.





Triều đình và nhiều tôn thất nhà Trần không tán thành việc truyền ngôi cho Nhật Lễ và muốn lập người anh của Dục Tông là Cung Định vương lên ngôi. Nhưng Hiến Từ Hoàng Thái hậu (vợ của Thượng hoàng Minh Tông đã mất) bảo:

– Trần Dục là con đích trưởng, lại mất sớm, không được nối ngôi vua. Nhật Lễ không phải là con của Dục đó sao?

Và bà cho người đi đón Nhật Lễ vào cung.

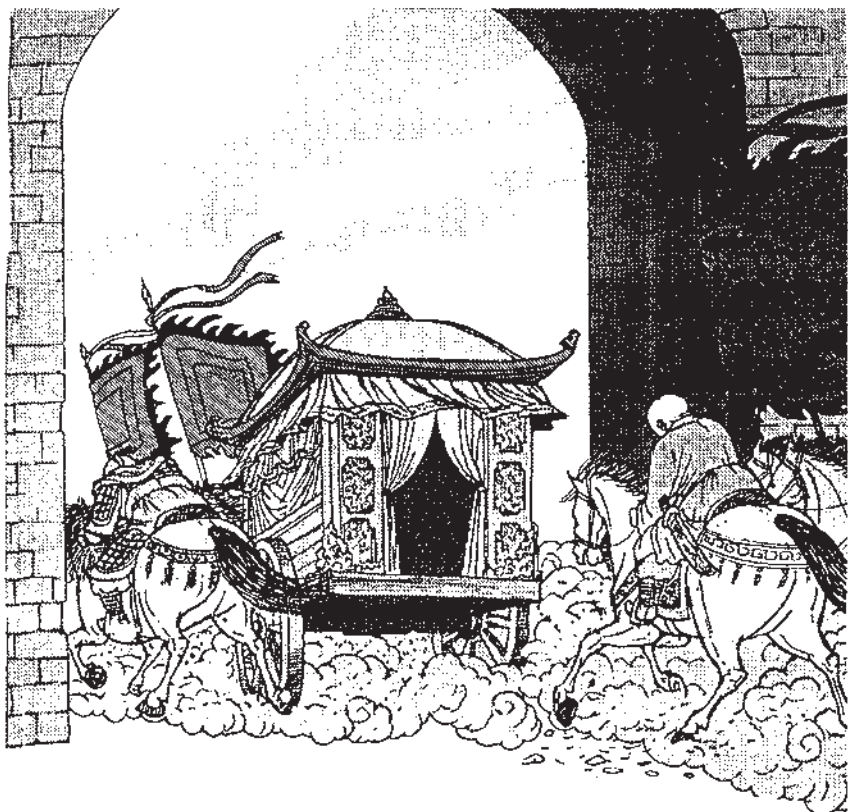


Lên ngôi vua rồi Nhật Lễ cũng chẳng màng gì đến việc nước, suốt ngày chỉ cùng bọn cận thần đua nịnh vui chơi, tổ chức yến tiệc, hát xướng. Các tôn thất nhà Trần và quan lại mong muốn có được một vị minh quân đều thất vọng, nhất là Thái hậu Hiến Từ. Bà hối tiếc vì đã có quyết định sai lầm giúp Nhật Lễ lên ngôi nên thường than thở với những người trong cung. Nhật Lễ nghe được căm giận lắm, sai người lén đánh thuốc độc giết Thái hậu.



Nhật Lễ còn định bỏ họ Trần lấy lại họ Dương, tức họ cha ruột của mình. Để thực hiện dự tính đó, Nhật Lễ tìm cách diệt trừ tôn thất họ Trần, nhất là những người có danh vọng hoặc đang nắm chức vụ quan trọng trong triều. Trước tình hình đó, một số tôn thất họ Trần hợp sức với nhau để tính kế giết Nhật Lễ nhưng không thành. Mười tám người tham gia việc này đều bị giết hại.





Trần Phủ, con trai thứ ba của Trần Minh Tông, vốn là một người nhu nhược. Tuy có con gái làm hoàng hậu của Nhật Lễ nhưng thấy Nhật Lễ cho quân lùng bắt các tôn thất nhà Trần, Trần Phủ sợ vạ lây đến mình nên thu xếp đồ đạc, cùng gia quyến định lánh ra trấn Đà Giang để tìm chỗ ẩn thân.

Biết chuyện ấy, em gái Trần Phủ là công chúa Thiên Ninh cố gắng thuyết phục anh:

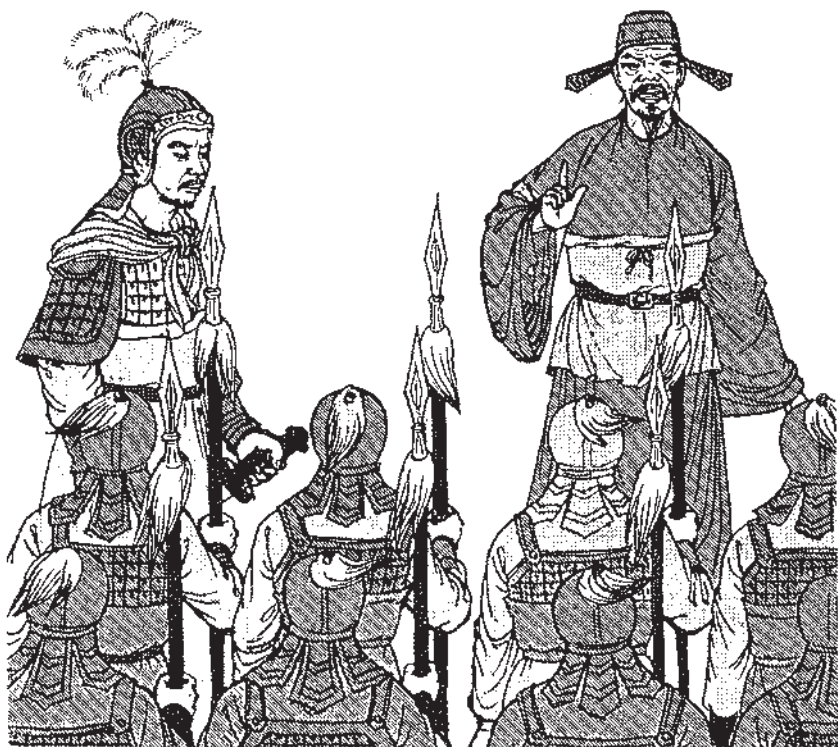
– Thiên hạ là của tổ tông mình, sao lại vứt bỏ nước cho kẻ khác? Anh phải đứng ra chiêu tập nghĩa sĩ diệt Nhật Lễ để lấy lại ngôi báu. Em sẽ đem bọn gia nô làm nội ứng cho!

Nghe lời em gái, tháng 10 năm 1370, Trần Phủ cùng Trần Kính, Trần Nguyên Đán khởi binh chống Nhật Lễ ở Thanh Hóa.





Bấy giờ Nhật Lễ rất tin dùng Trần Ngô Lang vốn là cận thần của vua Dụ Tông ngày trước. Công chúa Thiên Ninh liền tìm cách gặp Ngô Lang nhắc lại tình nghĩa khi xưa với Dụ Tông để lôi kéo Ngô Lang theo phe Trần Phủ. Vì thế mỗi khi Nhật Lễ sai quan quân đi đánh dẹp các tôn thất họ Trần, Ngô Lang đều bí mật khuyên họ bỏ Nhật Lễ mà theo về với phe nổi dậy.





Một tháng sau, Trần Phủ được các tôn thất họ Trần tôn lên ngôi vua (tức Trần Nghệ Tông) và kéo quân về kinh đô. Nhật Lễ nghe theo lời khuyên của Trần Ngô Lang, bỏ hoàng bào ra tận bến Đông Bộ Đầu để đón cha vợ nhưng bị Nghệ Tông sai quân bắt giam ở phường Giang Khẩu (nay là khu vực phố Hàng Buồm, Hà Nội). Biết Ngô Lang làm phản, Nhật Lễ lập mưu giết Ngô Lang nên bị Nghệ Tông xử tội. Mẹ của Nhật Lễ tìm cách trốn sang Chiêm Thành lánh nạn.

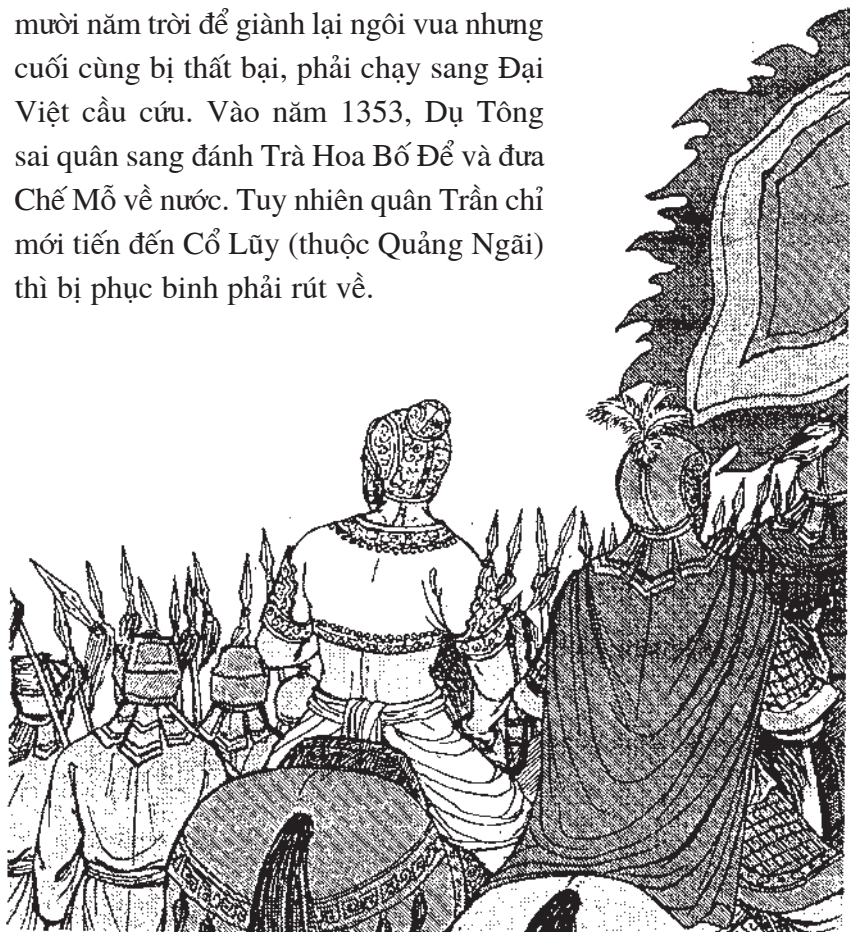


Dưới thời Dụ Tông, ở Trung Quốc nhà Nguyên đã suy yếu, vì thế biên giới phía bắc của Đại Việt được yên ổn. Nhưng ở phía nam, nội tình Chiêm Thành có nhiều thay đổi. Sau khi Chế Năng bị Phạm Ngũ Lão đánh bại và chạy sang Java, Chế A Nan được lập lên ngôi. Chế A Nan thương yêu người con rể tên Trà Hoa Bố Để hơn con ruột là Chế Mỗ. Bố Để được giao chức vụ quan trọng trong triều nên ngầm tạo vây cánh và tìm mọi cách làm giảm uy tín của Chế Mỗ. Bởi vậy, năm 1342, khi Chế A Nan mất, Trà Hoa Bố Để dễ dàng cướp lấy ngôi báu.





Chế Mỗ khởi binh chống lại Bồ Đề suốt mười năm trời để giành lại ngôi vua nhưng cuối cùng bị thất bại, phải chạy sang Đại Việt cầu cứu. Vào năm 1353, Dụ Tông sai quân sang đánh Trà Hoa Bồ Đề và đưa Chế Mỗ về nước. Tuy nhiên quân Trần chỉ mới tiến đến Cổ Lũy (thuộc Quảng Ngãi) thì bị phục binh phải rút về.



Sau cuộc thất bại ấy của nhà Trần, Trà Hoa Bố Để thường cho quân kéo sang quấy rối ở Hóa châu, vùng đất Chế Mân nhường cho Đại Việt khi trước. Triều đình nhà Trần phải cử Trương Hán Siêu vào tổ chức việc phòng thủ ở vùng biên cương.





Khoảng năm 1360, Chế Bồng Nga nổi ngôi Trà Hoa Bố Đê. Năm sau Chế Bồng Nga cho quân vượt biển đánh vào tận vùng Bố Trạch, nằm sâu trong lãnh thổ Đại Việt (thuộc Quảng Bình ngày nay). Sau khi đốt phá, cướp lấy của cải, quân Chiêm lại theo đường thủy rút về.

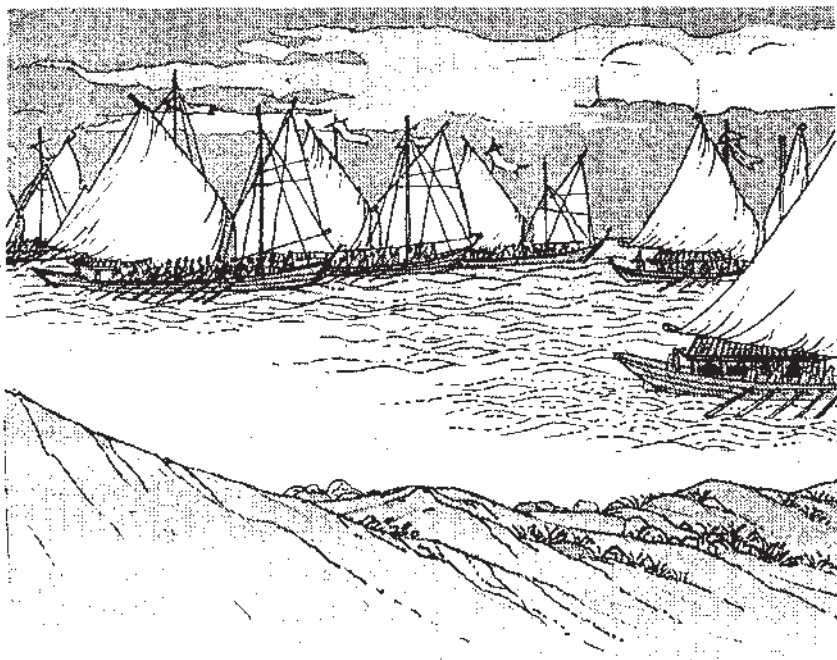




Trong những năm sau đó, Chế Bồng Nga nhiều lần cho quân sang Đại Việt cướp phá vùng biên giới khiến nhà Trần chống đỡ rất vất vả. Ngược lại, Chế Bồng Nga còn sai sứ sang triều đình Thăng Long đòi lại đất Hóa châu mà năm xưa vua Chế Mân đã dâng cho vua Trần Anh Tông làm sính lễ.

Trước tình hình đó, Trần Dụ Tông phải sai Trần Thế Hưng và Đỗ Tử Bình chuẩn bị binh mã để tiến đánh Chiêm Thành. Mùa đông năm Đinh Mùi (1367), Trần Thế Hưng và Đỗ Tử Bình rầm rộ xuất quân, nhưng quân Trần vừa đến Chiêm Động (tỉnh Quảng Nam ngày nay) thì bị quân Chiêm Thành phục kích. Bị bất ngờ, quân Trần không thể chống đỡ, Trần Thế Hưng bị bắt, Tử Bình phải rút quân về.

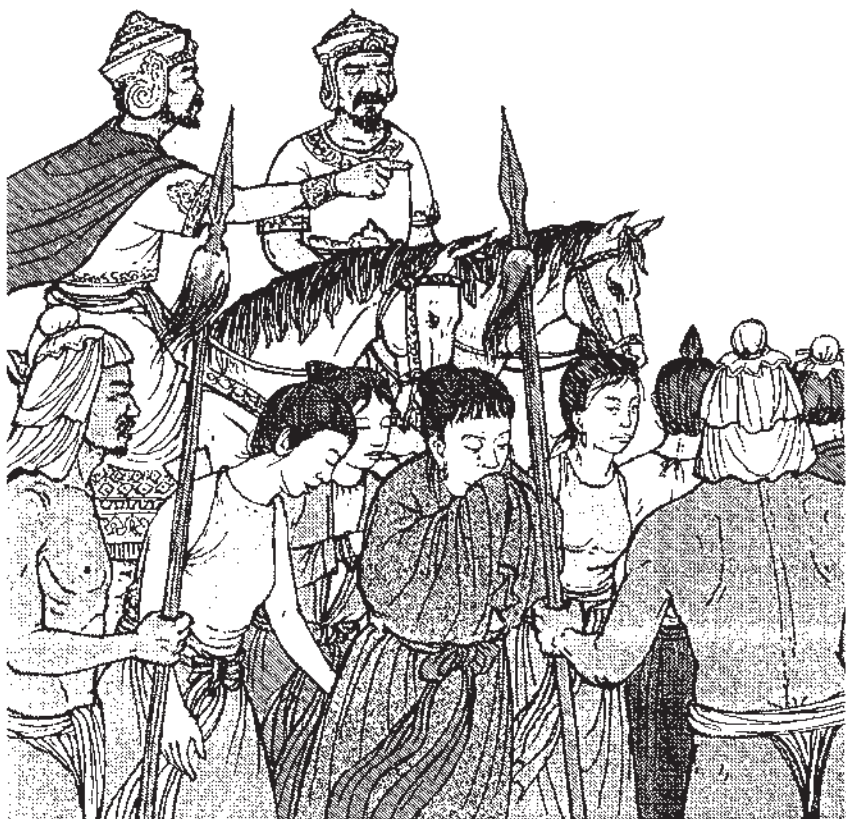




Năm sau, vua Dụ Tông mất, nhà Trần phải lo đối phó với Nhật Lễ. Đến năm 1371, nhân mẹ của Nhật Lễ chạy sang Chiêm Thành thông báo tình hình nước Đại Việt và xui đem quân sang đánh, Chế Bồng Nga lập tức cho thủy quân vượt biển tiến vào cửa Đại An (Nam Định). Quân Trần không phòng bị nên tan rã nhanh chóng. Thừa thắng, Chế Bồng Nga thúc quân tiến thẳng đến kinh đô Thăng Long.



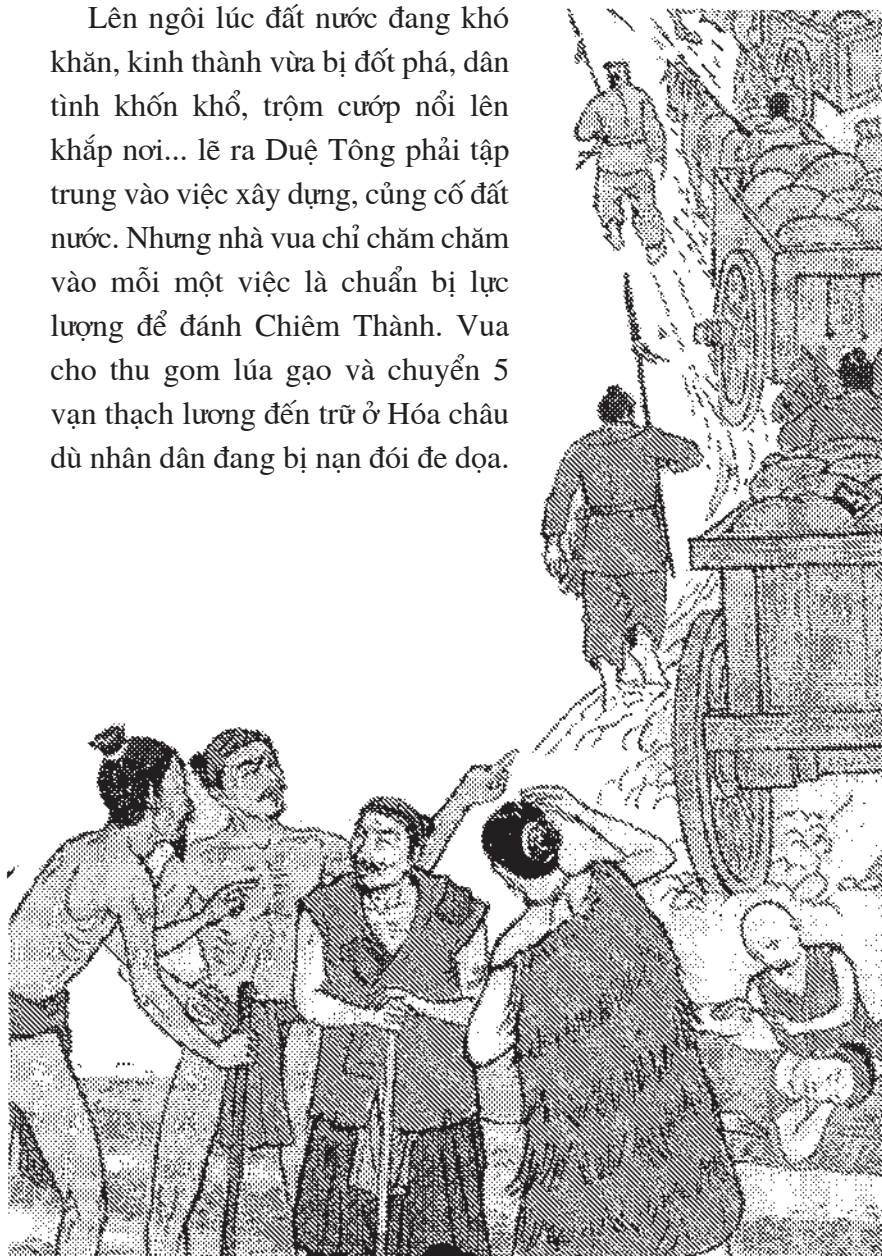
Lúc bấy giờ quân đội nhà Trần đã quá suy yếu không ngăn chặn nổi quân Chiêm Thành. Vua quan nhà Trần vội vã chạy sang Đông Ngàn (thuộc Bắc Ninh ngày nay) để lánh nạn. Chế Bồng Nga cho quân tiến vào Thăng Long “dễ dàng như dạo chơi vậy”. Quân Chiêm Thành đốt trụi các cung điện, cướp của cải, vàng bạc, lụa là và bắt nhiều phụ nữ đem về nước.

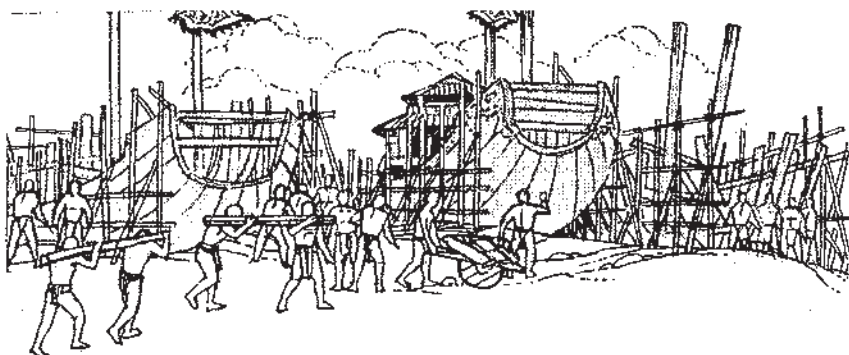


Cung tuyền Đại vương Trần Kính, con thứ mười một của Trần Minh Tông và là em của Nghệ Tông, tập hợp quân lính kéo về chiếm lại kinh đô. Sau khi trở về triều, Nghệ Tông phong cho Trần Kính làm Hoàng Thái tử và sau đó nhường ngôi cho Trần Kính để lên làm Thượng hoàng. Năm 1372, Trần Kính lên ngôi tức vua Trần Duệ Tông.



Lên ngôi lúc đất nước đang khó khăn, kinh thành vừa bị đốt phá, dân tình khốn khổ, trộm cướp nổi lên khắp nơi... lẽ ra Duệ Tông phải tập trung vào việc xây dựng, củng cố đất nước. Nhưng nhà vua chỉ chăm chăm vào mỗi một việc là chuẩn bị lực lượng để đánh Chiêm Thành. Vua cho thu gom lúa gạo và chuyển 5 vạn thạch lương đến trữ ở Hóa châu dù nhân dân đang bị nạn đói đe dọa.





Đồng thời Duệ Tông cho bắt thêm lính, tăng thuế để có kinh phí đóng thêm nhiều chiến thuyền, bắt dân phải đi phu để sửa sang các con đường dẫn về phương nam nhằm chuyển quân được dễ dàng. Vì thế, dân tình đã khổ lại càng thêm khổ.





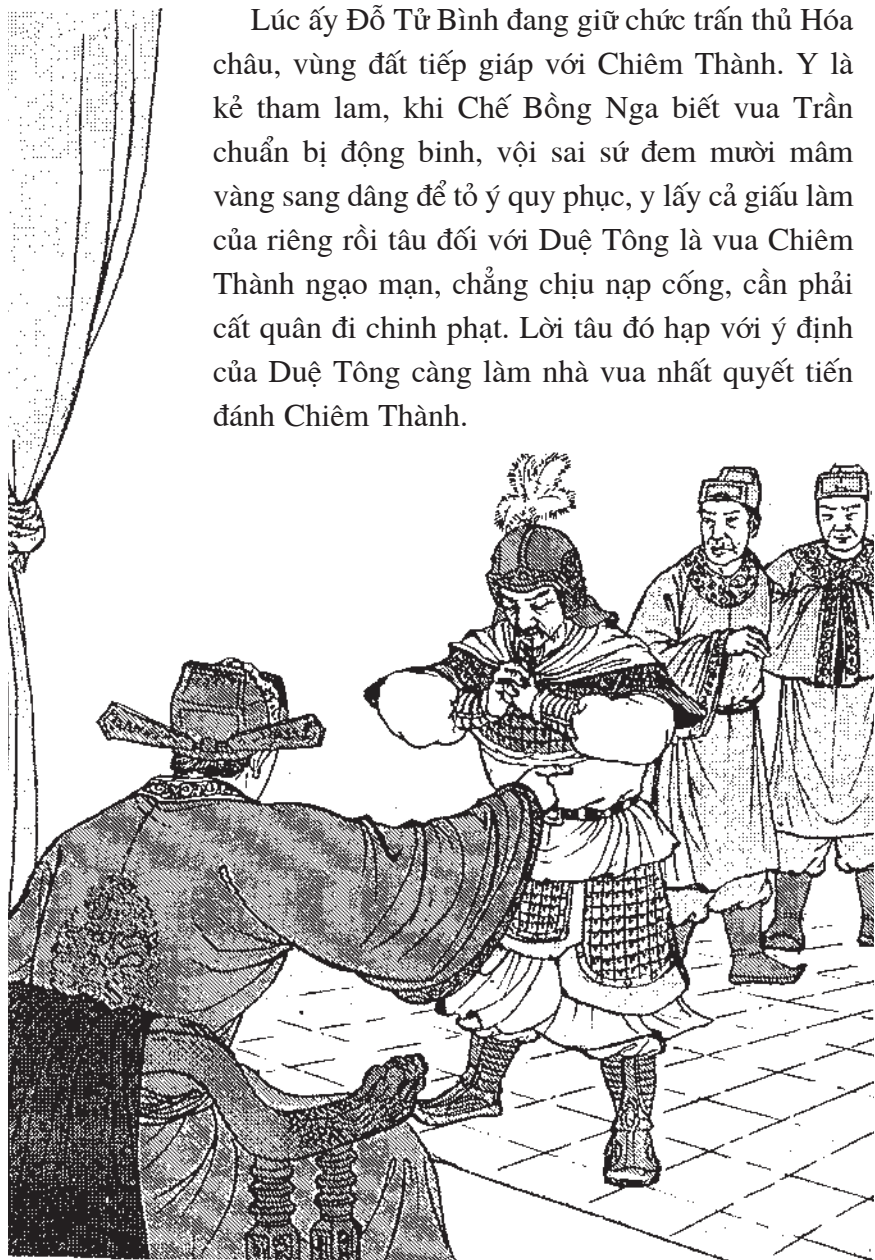
Trước tình hình đó, Ngự sử Trung tán Lê Tích dâng sớ can ngăn: “Việc binh là hung khí, không nên tự mình đẩy việc can qua. Huống chi nay mới bình xong được loạn bên trong cũng như chỗ lửa chưa lành. Nhà vua không nên lấy tức giận của riêng mình mà hưng binh, tướng võ không thể cầu công trạng mà đánh can”. Nhưng lời can gián đó chẳng được Duệ Tông để ý.



Vợ vua Duệ Tông là bà Từ phi Bích Châu vốn được vua sủng ái vì rất giỏi ca hát, thơ văn. Trước đây, thấy chính sự rối ren, bà đã viết “*Kê minh Thập sách*” dâng lên cho chồng 10 kế sách để trị quốc, an dân nhưng không được thực hiện. Nay bà lại đứng về phía các vị đại thần, hết lòng khuyên nhà vua bãi binh nhưng Duệ Tông vẫn không đổi ý. Ngự sử Đại phu là Trương Đỗ cũng đã ba lần dâng sớ can ngăn mà vua chẳng chịu nghe nên đành treo ấn từ quan.



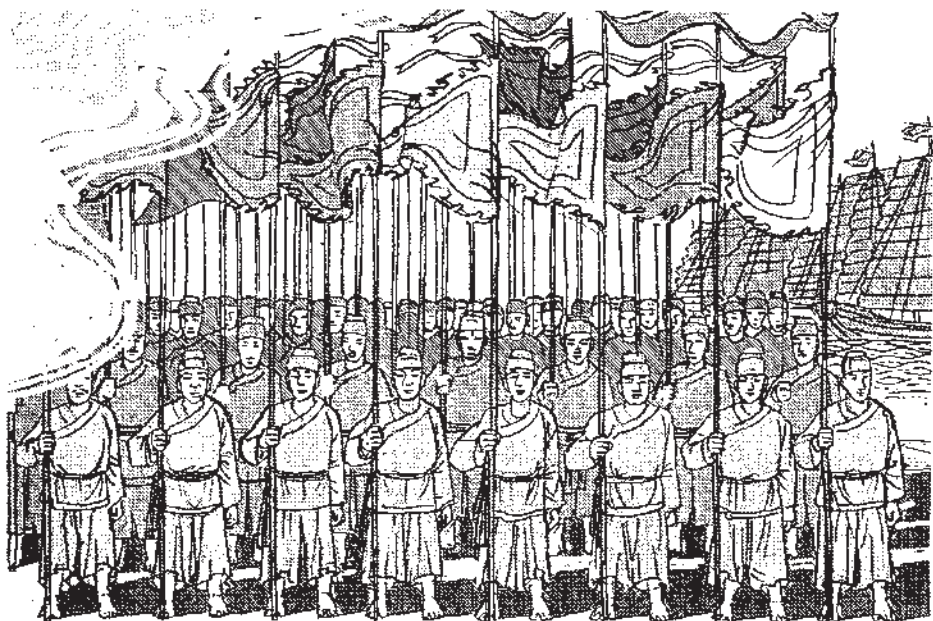
Lúc ấy Đỗ Tử Bình đang giữ chức trấn thủ Hóa châu, vùng đất tiếp giáp với Chiêm Thành. Y là kẻ tham lam, khi Chế Bồng Nga biết vua Trần chuẩn bị động binh, vội sai sứ đem mười mâm vàng sang dâng để tỏ ý quy phục, y lấy cả giấu làm của riêng rồi tâu dối với Duệ Tông là vua Chiêm Thành ngạo mạn, chẳng chịu nạp cống, cần phải cất quân đi chinh phạt. Lời tâu đó hợp với ý định của Duệ Tông càng làm nhà vua nhất quyết tiến đánh Chiêm Thành.





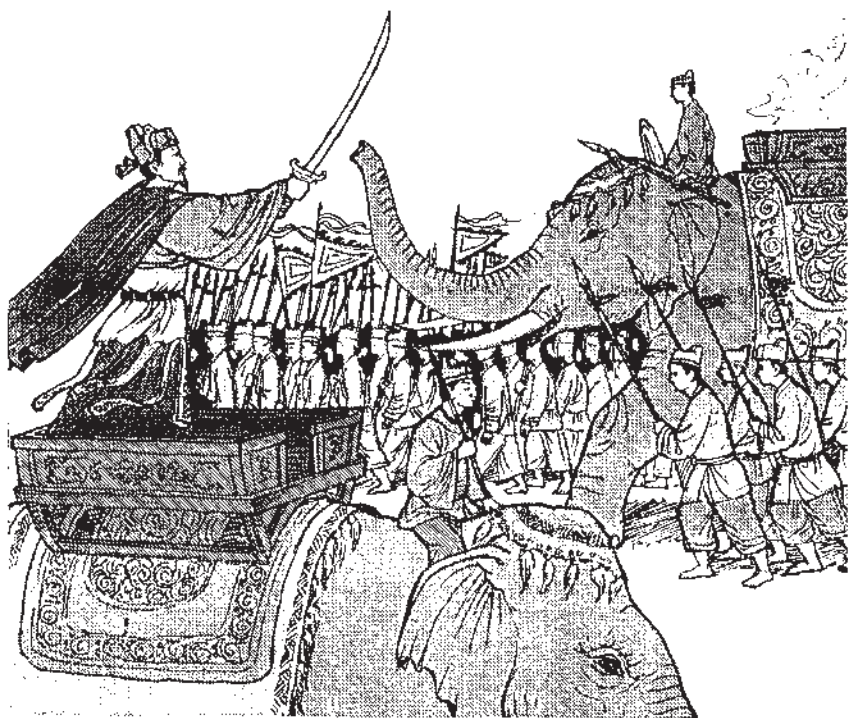






Tháng chạp năm Bính Thìn (1376), Duệ Tông làm lễ xuất quân, sau đó đích thân đem 12 vạn quân thủy bộ kéo về phương nam. Nàng Bích Châu cũng xin đi theo để hầu hạ nhà vua. Lê Quý Ly, là anh em họ ngoại của vua, được thăng chức Tham mưu Quân sự và lo việc đốc thúc dân Nghệ An, Tân Bình, Thuận châu, Hóa châu vận chuyển lương thực tiếp tế cho đoàn quân viễn chinh. Đỗ Tử Bình được giao chỉ huy hậu quân để phối hợp cùng tiền quân của nhà vua.

Tương truyền, quân của Duệ Tông vào đến huyện Kỳ Anh (Hà Tĩnh) thì gặp mưa to gió lớn, thuyền không tài nào tiến lên được. Nghe dân gian quanh vùng nói đó là do Hà Bá đòi cống một người con gái, nàng Bích Châu tự nguyện hiến mình để sóng yên biển lặng. Nhờ đó, nhà vua dẫn quân kéo vào đến cửa Nhật Lệ (Đồng Hới, Quảng Bình) không gặp trở ngại gì. Vua cho dừng quân ở đây hơn một tháng để hai cánh quân thủy bộ phối hợp với nhau mà tập luyện.



Ngày 23 tháng giêng năm Đinh Tỵ (1377), Duệ Tông kéo quân đến cửa Thị Nại (Quy Nhơn, Bình Định ngày nay). Chế Bồng Nga cho dựng thêm rào, lũy bên ngoài thành Đồ Bàn (còn gọi là Chà Bàn) để chặn quân Trần rồi sai người sang trá hàng, nói dối là Chế Bồng Nga đã bỏ trốn, chỉ còn thành không. Duệ Tông vui mừng, không nghi kỵ gì, lập tức chuẩn bị cho quân tấn công chiếm trại Chiêm Thành.

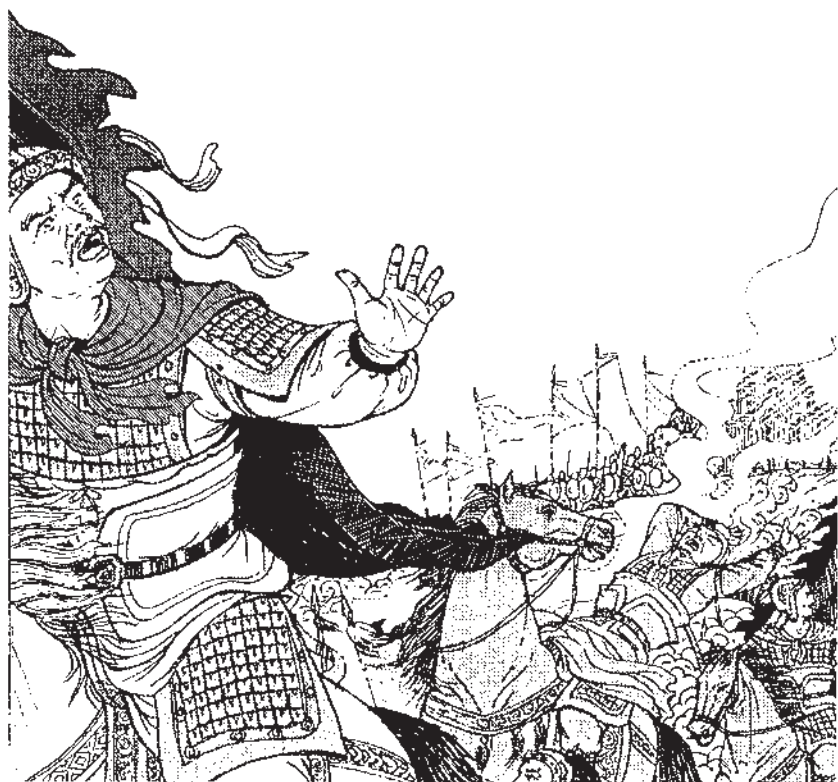


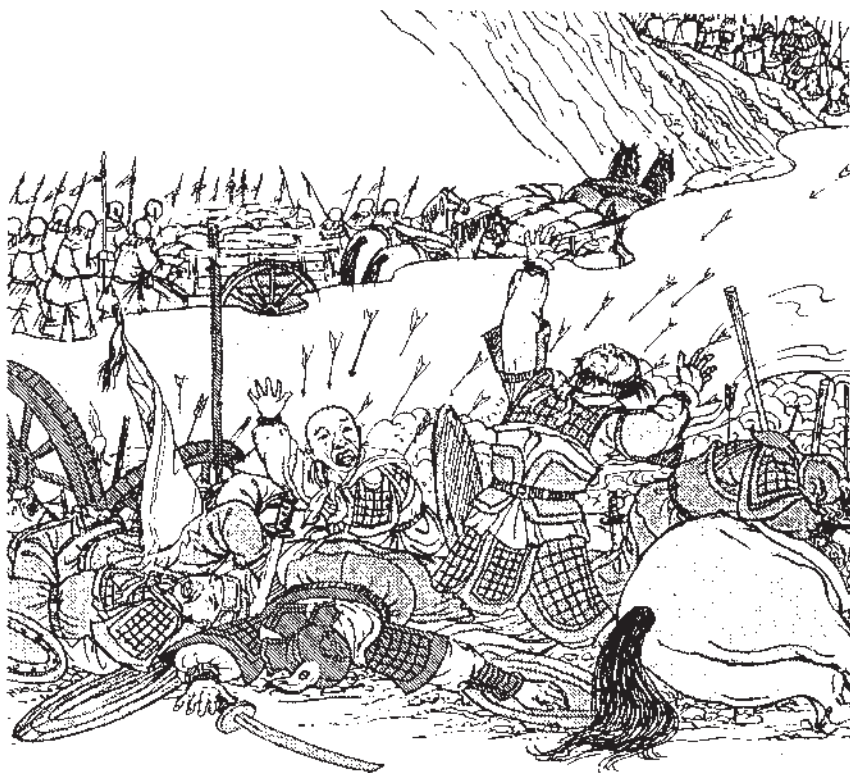
Ngày 24, Duệ Tông mặc áo đen, cưỡi ngựa đen điểm trắng cùng con rể là Ngự Câu vương Trần Húc mặc áo trắng cưỡi ngựa trắng, ban lệnh công thành. Đại tướng Đỗ Lễ thấy vậy can vua phải thận trọng, nên sai người thám thính trước kéo mắc mưu của giặc. Duệ Tông háo thắng chẳng chịu nghe lời khuyên của vị tướng từng trải đó, đã vậy lại còn chê Đỗ Lễ nhát gan như đàn bà, sai người đem y phục phụ nữ đến bắt ông phải mặc để làm nhục trước ba quân.





Sau đó, quân của Duệ Tông nối đuôi nhau kéo đến thành Đồ Bàn không cần chờ hậu quân tiếp ứng. Đội quân Trần tiến sâu vào trận địa phục kích, Chế Bồng Nga xua quân bao vây bốn phía. Đỗ Tử Bình dẫn hậu quân vừa đến, lẽ ra phải tập kích quân Chiêm Thành để trong đánh ra, ngoài đánh vào cùng phối hợp. Đằng này, nghe tin tiền quân bị chặn đánh, y hoảng sợ vội vàng rút chạy, bỏ mặc Duệ Tông cùng các tướng chiến đấu một cách tuyệt vọng trong vòng vây của quân Chiêm Thành.

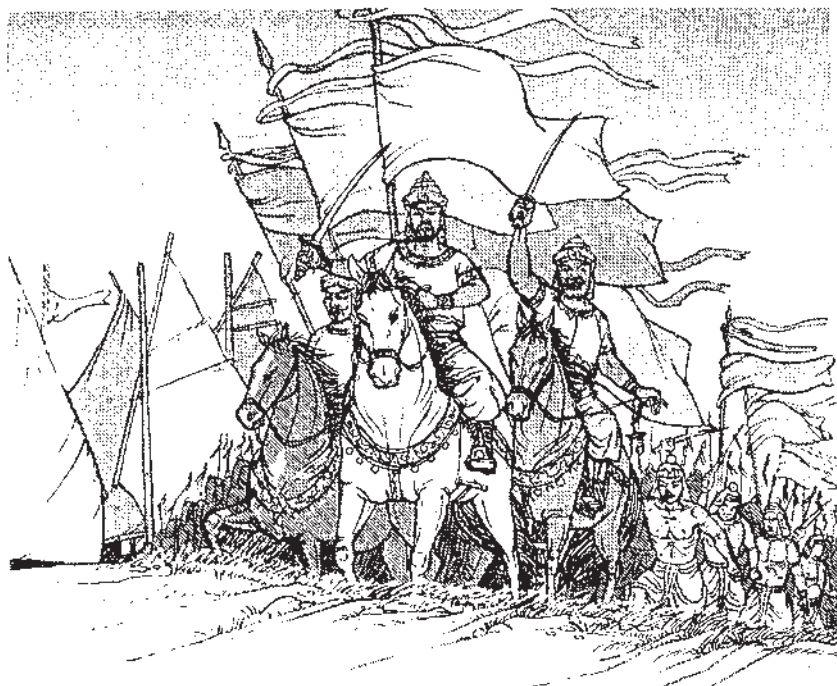




Bấy giờ trông thấy trong vòng vây có hai người trang phục, cưỡi ngựa khác người thường, biết đó là vua và hoàng tộc nhà Trần, quân Chiêm Thành cứ nhằm mà chém. Vua Duệ Tông chết ngay trong trận, Ngự Câu vương Trần Húc bị bắt sống sau đầu hàng Chiêm Thành. Nhiều tướng, trong đó có cả Đại tướng Đỗ Lễ bị giết. Quân Trần tan rã mau chóng. Lê Quý Ly phụ trách chuyển vận lương thực theo sau, nghe tin Duệ Tông đã chết, vội kéo quân quay về.

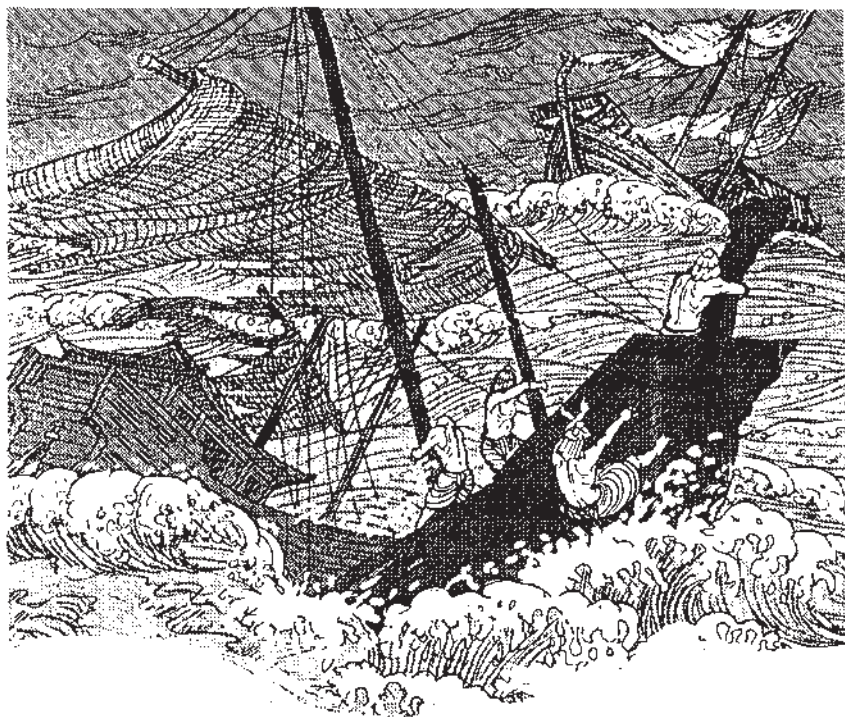
Tin đại bại bay về Thăng Long khiến cả triều đình nhà Trần bàng hoàng. Thượng hoàng Nghệ Tông lập tức cho bắt Đỗ Tử Bình xử phạt tội đồ làm lính, sau đó tổ chức lễ chiêu hồn cho Duệ Tông ở Hy lăng. Thượng hoàng cho lập Trần Hiện, con trưởng của Duệ Tông, lúc đó được 16 tuổi, lên ngôi (tức Trần Phế Đế). Tuy nhiên, quyền hành thực sự nằm trong tay Nghệ Tông.





Tháng 6 năm đó, Chế Bồng Nga thừa thắng đem thủy quân Chiêm Thành đánh thẳng ra kinh đô Đại Việt. Thượng hoàng Nghệ Tông sai tướng đem quân giữ cửa biển Đại An. Quân của Chế Bồng Nga bèn theo cửa biển Thần Phù (thuộc Ninh Bình, nay đã bị lấp), tiến vào Thăng Long. Cũng như lần trước, quân Trần không thể kháng cự, vua quan lại phải bỏ kinh thành chạy lánh nạn.





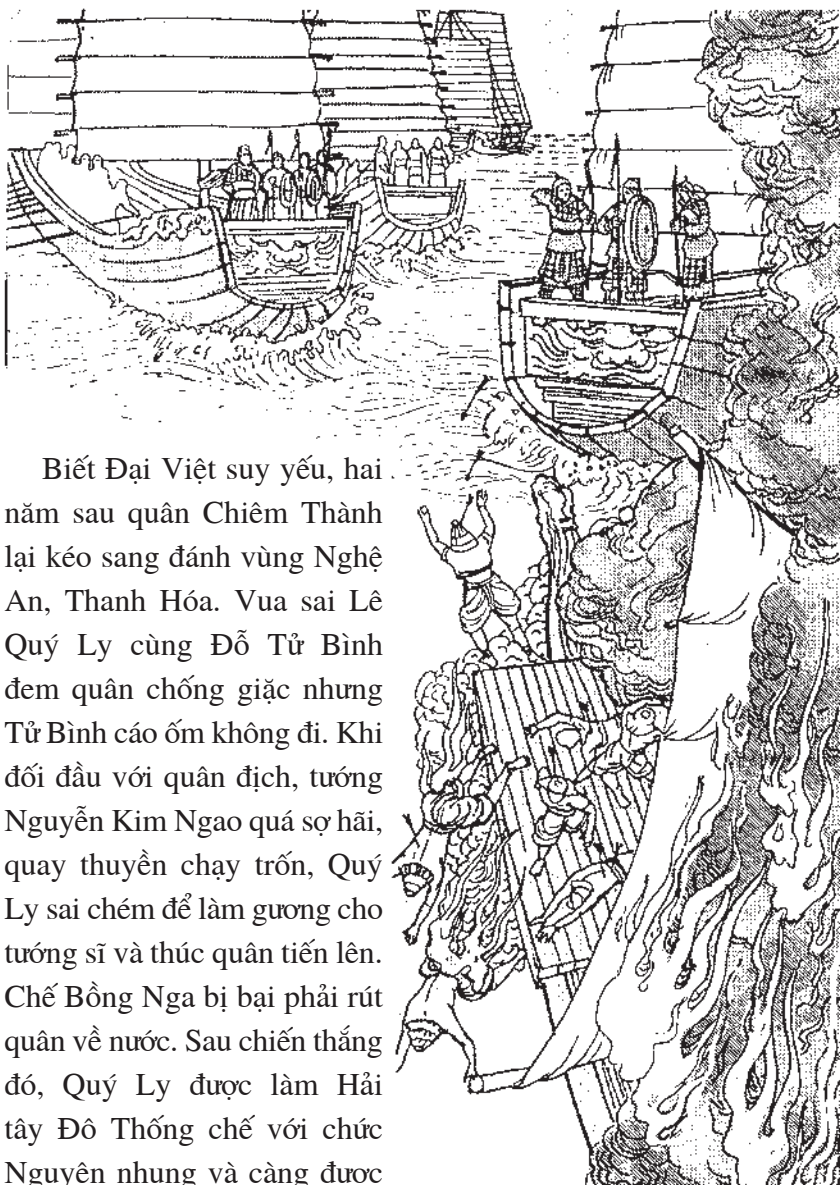
Chế Bồng Nga cho quân vào Thăng Long mặc sức đốt phá cướp bóc. Nhưng lần này khi rút quân về, ra đến cửa Đại An, chẳng may gặp bão lớn. Thuyền quân Chiêm Thành bị đắm nhiều, kéo theo một số lớn quân cùng những của cải cướp được chôn vùi dưới đáy biển.

Tháng 5 năm sau (1378), Chế Bồng Nga lại cho quân sang đánh Đại Việt. Lần này, Chế Bồng Nga còn có những âm mưu to lớn hơn việc cướp bóc của cải. Ngự Câu vương Trần Húc năm trước đầu hàng đã được Chế Bồng Nga thu nạp và gả con gái. Nay, sau khi cho quân chiếm phủ Nghệ An, Chế Bồng Nga đưa Trần Húc về giao cai trị vùng đất này. Trần Húc tự xưng là vua Đại Việt để chiêu dụ dân theo.





Sau đó Chế Bồng Nga đem quân vượt sông Đại Hoàng (Ninh Bình) để đánh ra kinh đô. Lúc này Đỗ Tử Bình đã lại được vua Trần cất nhắc, leo dần đến chức Hành khiển (Tể tướng), nên được giao cầm quân chặn giặc. Nhưng vốn là kẻ ham sống sợ chết, quân của hắn chưa đánh đã tan. Chế Bồng Nga thừa thắng đánh chiếm và tàn phá kinh đô Thăng Long một lần nữa.

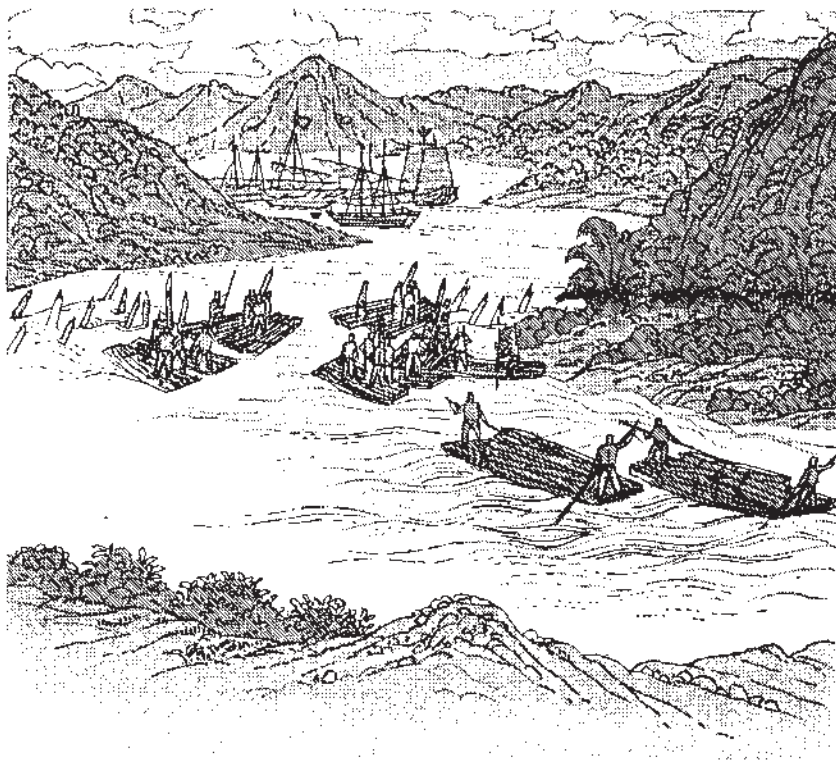


Biết Đại Việt suy yếu, hai năm sau quân Chiêm Thành lại kéo sang đánh vùng Nghệ An, Thanh Hóa. Vua sai Lê Quý Ly cùng Đỗ Tử Bình đem quân chống giặc nhưng Tử Bình cáo ốm không đi. Khi đối đầu với quân địch, tướng Nguyễn Kim Ngao quá sợ hãi, quay thuyền chạy trốn, Quý Ly sai chém để làm gương cho tướng sĩ và thúc quân tiến lên. Chế Bồng Nga bị bại phải rút quân về nước. Sau chiến thắng đó, Quý Ly được làm Hải tây Đô Thống chế với chức Nguyên nhung và càng được Nghệ Tông tin dùng.



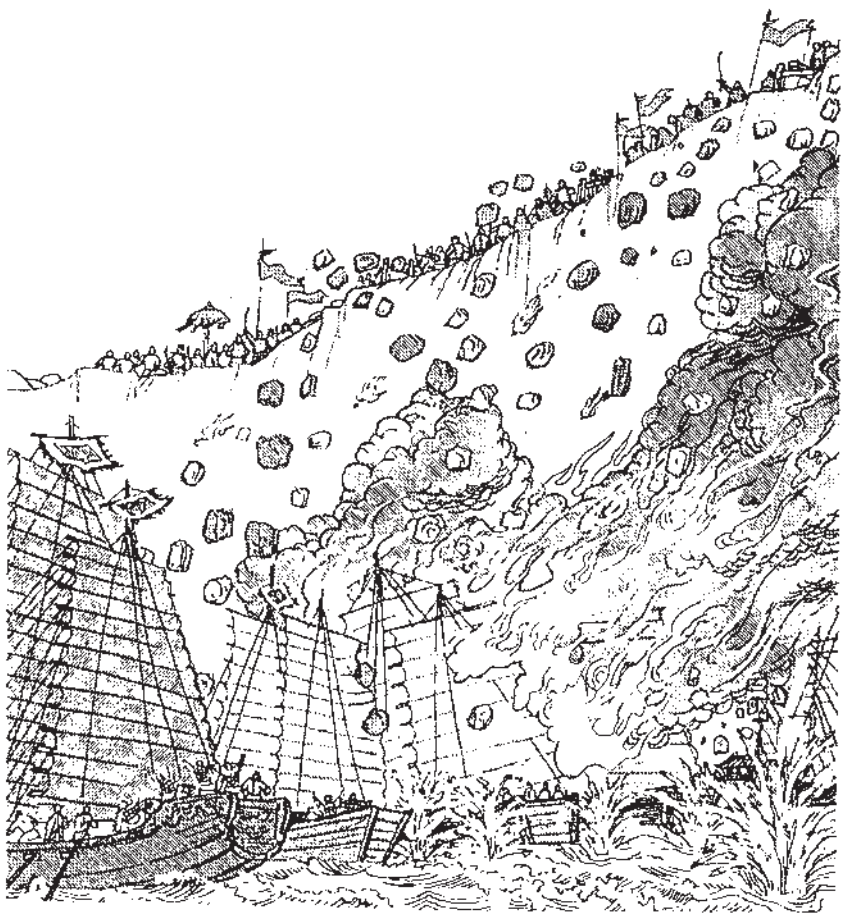


Tuy đánh bại được Chế Bồng Nga trong trận đó nhưng vua quan nhà Trần vẫn luôn nơm nớp lo sợ quân Chiêm Thành kéo sang. Vì thế, quan lại, quý tộc, người giàu có đua nhau lo tìm chỗ chôn giấu tài sản. Chính ngay vua Trần trước đây đã cho đem tiền vào giấu trong hang núi, nay lại sai mang tượng thờ ở các lăng về cất tại Quảng Yên.

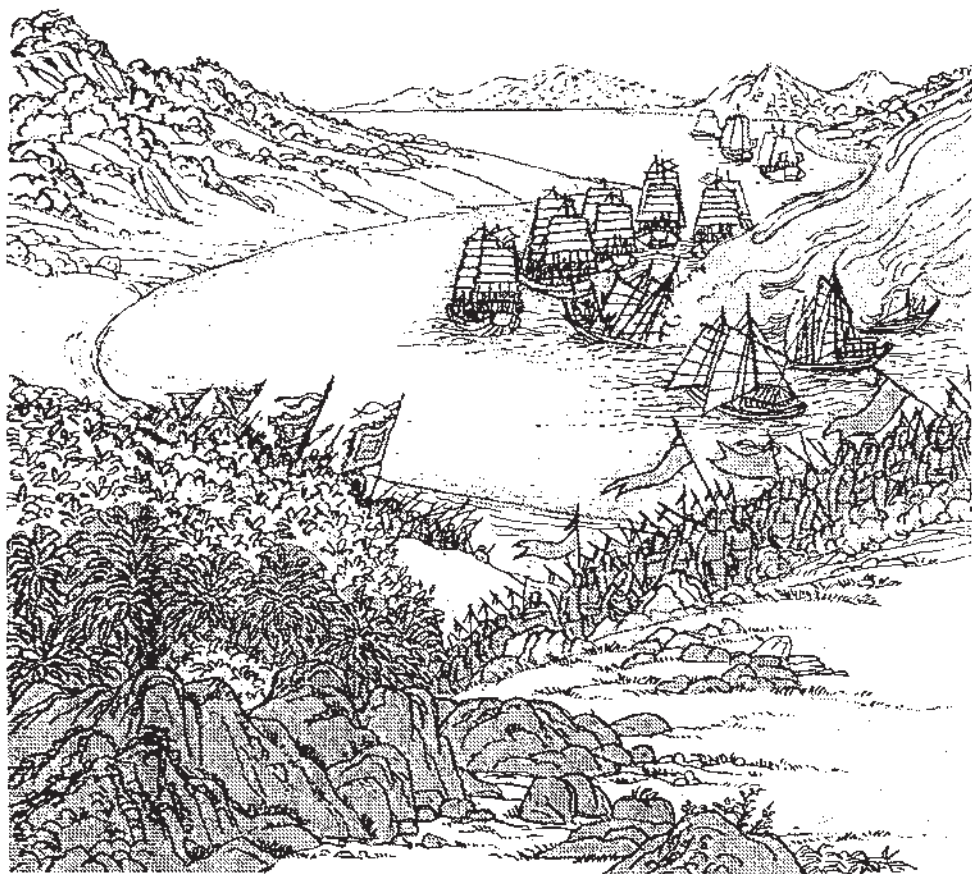


Năm Nhâm Tuất (1382), quân Chiêm Thành dùng cả bộ binh và thủy quân đánh phá vùng Thanh Hóa. Lê Quý Ly đóng quân ở núi Long Đại (tức núi Hàm Rồng ở Thanh Hóa) và sai Nguyễn Đa Phương là anh em kết nghĩa, đem thủy quân đến chốt ở cửa Thần Phù, đóng cọc gỗ ngang cửa sông để chặn thuyền địch.

Chế Bồng Nga đem quân bộ ra sức đánh chiếm ngọn núi án ngữ nơi tập trung thuyền chiến của Đại Việt. Sau đó, từ núi cao, quân Chiêm dùng máy bắn đá liên tục bắn xuống khiến thuyền chiến quân Việt bị hư hại nhiều. Cùng lúc đó, các chiến thuyền Chiêm cũng lớp lớp kéo đến phối hợp tấn công.



Trước tình thế nguy cấp đó, tướng Nguyễn Đa Phương không chờ lệnh của Lê Quý Ly, sai quân gỡ cọc ngăn cửa sông đưa chiến thuyền xông thẳng vào thủy quân Chiêm Thành. Trận chiến diễn ra ác liệt. Trước sự dũng mãnh của quân Việt, các chiến thuyền Chiêm Thành dần dần rối loạn hàng ngũ và bị quân Trần đốt cháy gần hết. Thấy thủy quân bị diệt, bộ binh Chiêm Thành cũng phải rút chạy.







Tuy đại bại và thiệt hại nhiều, năm sau, Chế Bồng Nga lại đem quân sang đánh Đại Việt. Lần này quân Chiêm không theo đường thủy như trước, mà theo đường núi tiến ra Bắc rồi bất ngờ đánh vào trấn Quảng Oai (vùng Ba Vì, Hà Nội ngày nay).



Sự xuất hiện đột ngột của quân Chiêm Thành gần sát Thăng Long khiến triều đình Đại Việt vô cùng hốt hoảng. Thượng hoàng Nghệ Tông sai Lê Mật Ôn lập tức đem quân chặn địch. Mật Ôn vừa kéo quân đến Quảng Oai, chưa kịp dàn trận thì bị Chế Bồng Nga xua voi trận ra đánh. Quân Trần bị voi quấn cho một trận, chạy tan tác, Mật Ôn bị bắt sống.

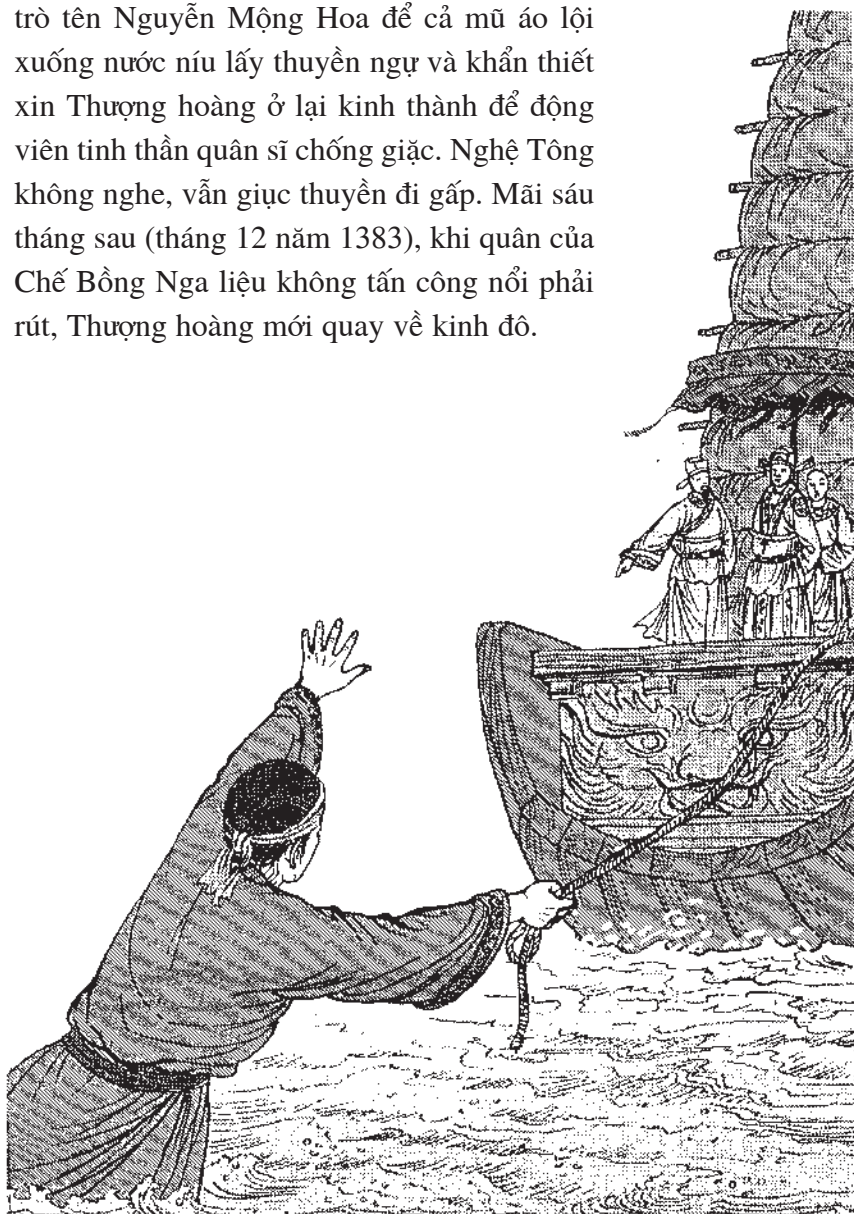




Tin bại trận bay về làm cả Thăng Long kinh động. Tướng Nguyễn Đa Phương ráo riết đốc thúc quân lính dựng rào lũy để phòng thủ. Trong khi ấy quan lại quý tộc nhà Trần lo tìm chỗ an toàn để lánh thân. Thượng hoàng Nghệ Tông cũng vội vã lên thuyền ngự, định bỏ chạy lên Đông Ngàn như những lần trước.



Khi thuyền vừa rời bến, một người học trò tên Nguyễn Mộng Hoa để cả mũ áo lội xuống nước níu lấy thuyền ngự và khẩn thiết xin Thượng hoàng ở lại kinh thành để động viên tinh thần quân sĩ chống giặc. Nghệ Tông không nghe, vẫn giục thuyền đi gấp. Mãi sáu tháng sau (tháng 12 năm 1383), khi quân của Chế Bồng Nga liệu không tấn công nổi phải rút, Thượng hoàng mới quay về kinh đô.



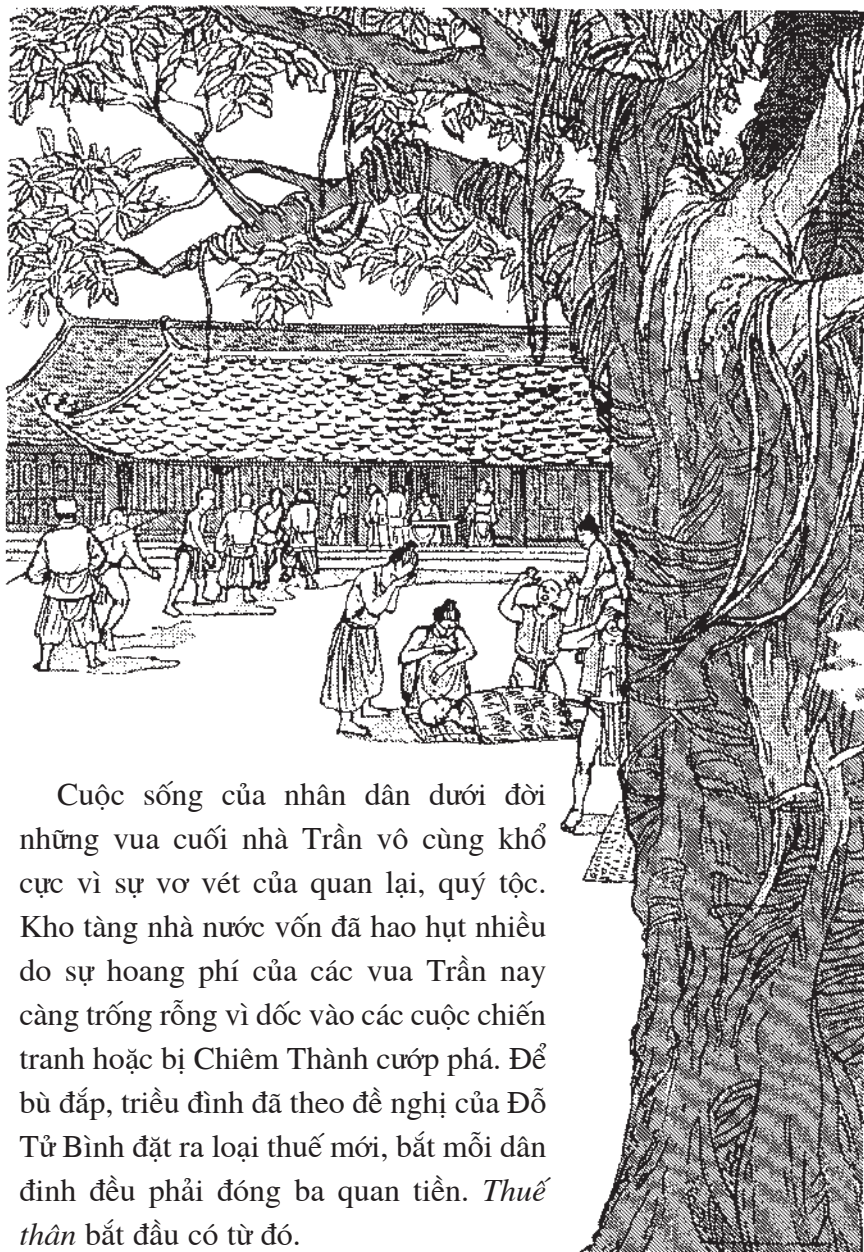
Bấy giờ ở Trung Quốc, Chu Nguyên Chương đang nổi lên chống nhà Nguyên. Năm 1368, sau khi làm chủ hầu hết miền Nam, Chu Nguyên Chương lên ngôi ở Nam kinh, lập nên nhà Minh. Khi vua Duệ Tông tử trận, Trần Hiến được lập lên thay, nhà Minh đã muốn lợi dụng thời cơ để đưa quân sang thôn tính Đại Việt. Nhưng vì còn phải dồn sức diệt nhà Nguyên nên đành gác tham vọng lại. Tuy thế, nhà Minh không ngớt sách nhiễu, đòi hỏi vua Trần phải cống nộp đủ thứ.



Nước Đại Việt đang bị đe dọa từ nhiều phía nhưng vua quan nhà Trần không biết lo chỉnh đốn việc cai trị, củng cố lực lượng. Đã vậy, nội bộ còn lục đục do Thượng hoàng Nghệ Tông hết sức tin dùng Lê Quý Ly, mọi việc trong triều đều do Quý Ly quyết định. Vua Phế Đế và một số đại thần thấy đây là mối đe dọa cho nhà Trần nên tìm cách trừ Quý Ly nhưng âm mưu bị lộ. Nghệ Tông nghe lời Quý Ly, giết Phế Đế và lập con út của mình là Định vương Trần Ngung lên ngôi tức Trần Thuận Tông (1388).







Cuộc sống của nhân dân dưới đời những vua cuối nhà Trần vô cùng khổ cực vì sự vơ vét của quan lại, quý tộc. Kho tàng nhà nước vốn đã hao hụt nhiều do sự hoang phí của các vua Trần nay càng trống rỗng vì dốc vào các cuộc chiến tranh hoặc bị Chiêm Thành cướp phá. Để bù đắp, triều đình đã theo đề nghị của Đỗ Tử Bình đặt ra loại thuế mới, bắt mỗi dân đinh đều phải đóng ba quan tiền. *Thuế thân* bắt đầu có từ đó.



Nhà nước cuối thời Trần không còn quan tâm đến việc sản xuất nên mất mùa liên tục. Các cuộc nổi dậy của nông dân liên tiếp nổ ra. Vào đầu triều vua Trần Dụ Tông đã có Ngô Bệ nổi lên ở vùng Hải Dương, bị đàn áp phải tạm lánh một thời gian rồi bùng lên mạnh mẽ vào năm 1358, khi nạn đói xảy ra. Hai năm sau quân triều đình mới dập tắt được.



Đến thời kỳ này, những cuộc nổi dậy của nông dân lại xảy ra khắp nơi. Lớn nhất là cuộc nổi dậy của nông dân ở Quốc Oai (Hà Nội) do Phạm Sư Ôn, một nhà sư, cầm đầu. Phạm Sư Ôn đánh vào Thăng Long và chiếm giữ kinh thành suốt trong ba ngày. Thượng hoàng Nghệ Tông cùng vua Thuận Tông và triều đình phải lánh nạn lên Bắc Giang. Lúc ấy, tướng Hoàng Phụng Thế đang chốt ở Hoàng Giang để phòng quân Chiêm Thành, nghe tin vội đem quân về đánh, bắt được Sư Ôn, cuộc nổi dậy mới bị dẹp.



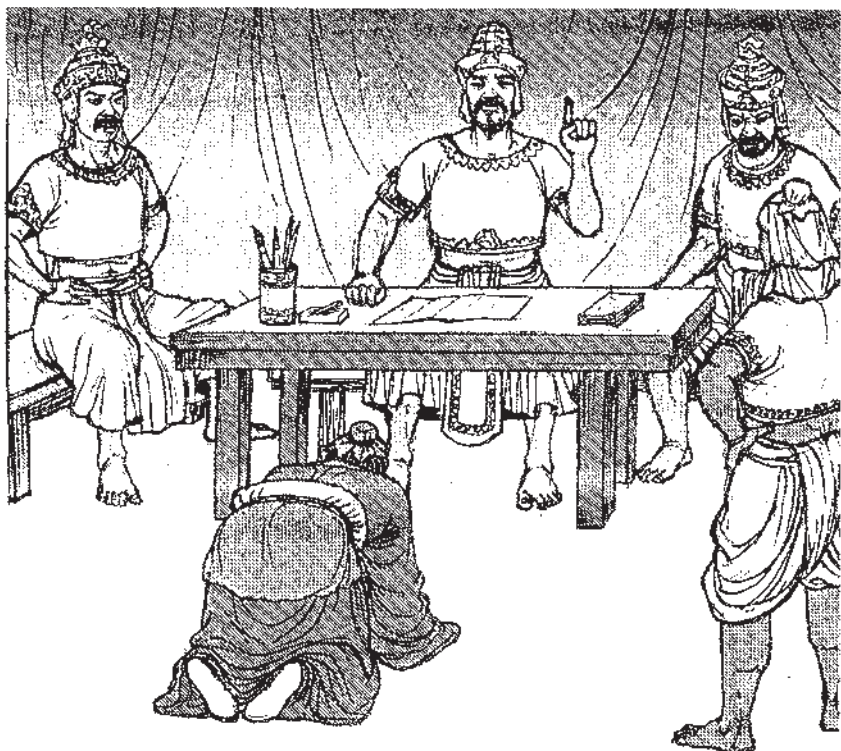
Tháng 10 năm Kỷ Ty (1389), quân Chiêm Thành lại kéo sang đánh phá Thanh Hóa. Lê Quý Ly đem quân chống giữ nhưng bị đại bại, 70 tướng Trần bị chết trận. Quý Ly để Nguyễn Đa Phương và Phạm Khả Vĩnh ở lại cầm cự còn mình trở về kinh đô xin phái thêm thuyền chiến tiếp viện. Thượng hoàng Nghệ Tông không cho, Quý Ly nhân đó xin trả binh quyền, không ra trận nữa.



Đầu năm Canh Ngọ (1390), hàng tướng Nguyên Diệu dẫn đường cho Chế Bồng Nga đem hơn một trăm thuyền chiến tiến đánh các nơi xung yếu của Đại Việt. Quân Chiêm Thành thừa thắng dự định tiến đánh Thăng Long. Trong tình thế nguy cấp đó, Nghệ Tông phải sai tướng Trần Khát Chân đem binh thuyền đi chống giữ. Bấy giờ quân Trần đã suy yếu đến nỗi đem quân đi là không hy vọng có ngày trở lại. Vì thế, Khát Chân vừa khóc bái biệt vừa dẫn quân đi trong nước mắt tiễn đưa của Nghệ Tông.







Không có tiếp viện, tình thế quân Trần lúc đó vô cùng nguy ngập. Nguyễn Đa Phương phải dàn thuyền làm như chuẩn bị tấn công rồi cho quân lặng lẽ rút mới thoát được. Trong khi đó, Trần Nguyên Diệu, em ruột vua Phế đế, hận vì Nghệ Tông nghe lời dèm của Quý Ly mà giết anh mình nên trốn sang hàng Chiêm Thành hòng giành lại ngôi vua khi Chế Bồng Nga thắng trận.



Trần Khát Chân cho đóng quân ở sông Hải Triều (đoạn sông Luộc giữa Hưng Yên và Thái Bình ngày nay) để phòng thủ. Khi quân Chiêm kéo tới, quân của Trần Khát Chân không chống đỡ nổi. Đang lúc cấp bách thì may sao có viên quan Chiêm Thành phạm lỗi sợ bị Chế Bồng Nga giết nên trốn sang hàng quân Trần và chỉ cho quân Trần biết thuyền vua Chiêm ngự. Trần Khát Chân lập tức ra lệnh cho quân tập trung bắn vào thuyền đó. Chế Bồng Nga trúng đạn tử trận, quân Chiêm tan vỡ.

Tướng Chiêm Thành là La Khải thu thập tàn quân kéo về nước và sau đó cướp ngôi, tự lập làm vua. Các con của Chế Bồng Nga sợ bị giết hại, lại phải trốn sang nương nhờ Đại Việt. Từ đó Chiêm Thành suy yếu dần không còn đe dọa Đại Việt như trước nữa.





Bấy giờ, thế lực của Lê Quý Ly trong triều ngày càng lớn, nhiều người dăng sớ cho Thượng hoàng Nghệ Tông nói Quý Ly có ý muốn cướp ngôi nhà Trần nhưng Thượng hoàng không tin. Vào cuối đời, Nghệ Tông nhận ra nguy cơ đó nhưng đã muộn, chỉ còn biết sai người vẽ tranh các vị đại thần ngày xưa đã hết lòng phò tá vua còn trẻ để ban cho Quý Ly với dụng ý khuyên Quý Ly nên theo gương đó. Quý Ly bỏ mũ, dập đầu thề sẽ làm theo.





Nhưng khi Trần Nghệ Tông vừa nằm xuống vào tháng 12 năm Giáp Tuất (1394), thì tháng 3 năm Mậu Dần (1398), Lê Quý Ly phế ngay Thuận Tông, ép phải chết, rồi lập con Thuận Tông là hoàng tử An mới 2 tuổi lên làm vua, tức Trần Thiếu Đế. Và hai năm sau (tháng 2 năm 1400), Quý Ly giết luôn Thiếu Đế, tự lập làm vua. Như vậy, nhà Trần chấm dứt sau 175 năm trị vì với 13 đời vua.





Ảnh trên: Đình Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội, nơi thờ Chu Văn An.

Ảnh dưới: Phong cảnh núi Phụng Hoàng nơi Chu Văn An về ở ẩn để dạy học và viết sách.

Ảnh: Bảo tàng Hải Dương



*Dì tích lăng mộ  
Chu Văn An trên  
núi Phụng Hoàng  
nơi ông sống cuối  
đời.*

Ảnh: Bảo tàng Hải  
Dương



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản dịch), NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch của Viện sử học), Hà Nội, 1992.
- Trần Quốc Vượng – Hà Văn Tấn, *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam* tập 1, Hà Nội, 1960.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, TTHL, knxb.
- Trương Hữu Quýnh – Phan Đại Doãn, *Danh nhân lịch sử Việt Nam* tập 1, NXB Giáo dục, 1987.
- Vũ Tuấn Sán, *Chu Văn An – thầy dạy học và nhà trí thức nổi tiếng cuối đời Trần*, NCLS số 137, 1971.
- Viện văn học, *Từ điển văn học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1983.
- Viện văn học, *Thơ văn Lý – Trần*, Hà Nội, 1977.
- Viện sử học, *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý – Trần*, Hà Nội, 1981.
- Nguyễn Danh Phiệt, *Hồ Quý Ly*, Hà Nội, 1997.



PHỤ LỤC

**LĂNG MỘ THỜI TRẦN**



**TỔNG TRUNG TÍN**

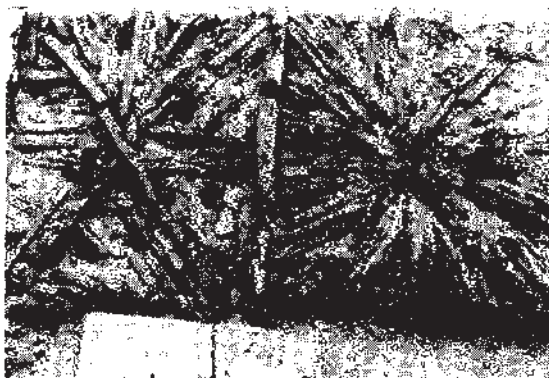
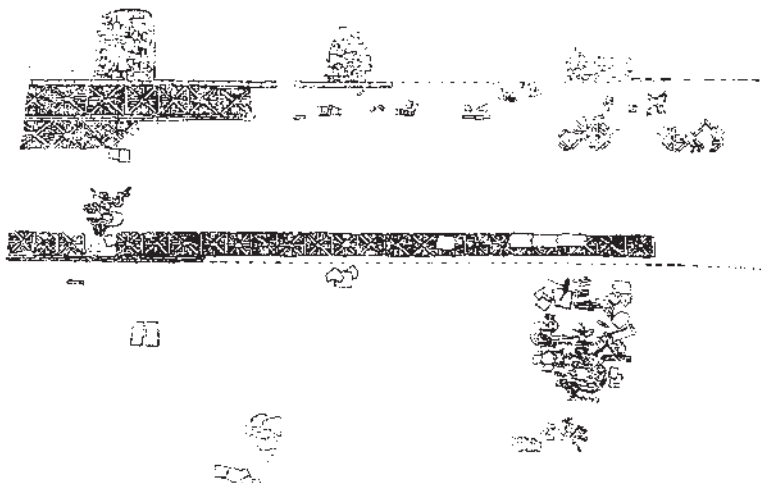
ẢNH: PHẠM NGỌC LONG  
NGUYỄN HỮU THIẾT

Sử cũ ghi chép lăng của các vua Trần được xây dựng chủ yếu ở khu Long Hưng (Thái Bình) và Yên Sinh (Quảng Ninh). Ngoài ra, có một vài lăng xây lẻ tẻ ở Kiến Xương (Thái Bình), Quốc Hương (Hà Nam).

Khu lăng Long Hưng nay thuộc khu vực Tam Đường, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nơi đây có Huy lăng (hay Thọ lăng) của Trần Thái Tổ xây năm 1234, Chiêu lăng của Trần Thái Tông xây năm 1277, Dụ lăng của Trần Thánh Tông xây năm 1290, Đức lăng của Trần Nhân Tông xây năm 1310. Đây cũng là nơi mai táng 4 vị Hoàng hậu của 4 vua Trần nói trên.

Do bị phá hủy, cho nên khó biết chính xác quy mô, cấu trúc của các lăng. Tuy nhiên, dựa vào hiện trạng và kết quả nghiên cứu khảo cổ học có thể thấy các lăng vua Trần ở Tam Đường gồm có hai phần: Phần mộ và phần có kiến trúc kèm theo. Quy mô của các lăng mộ có thể khá lớn, bởi theo ghi chép của nhà bác học Lê Quý Đôn hồi thế kỷ XVIII, ở khu vực này có mộ Thái sư Trần Thủ Độ đã rộng tới 2 mẫu. Điều đó có nghĩa lăng mộ vua có thể lớn hơn.

Phần mộ ở Tam Đường thường là những gò mộ đất khá lớn. Ở đây hiện còn có hai gò gọi là phần Đa và phần Bụt. Phần Đa tuy đã bị san gạt nhưng vẫn còn cao 8m, chu vi hơn 100m. Các phần mộ này ngày nay vẫn được lưu giữ và bảo vệ. Năm 1980, ở phần Cự đã phát hiện được huyệt mộ dài 6,10m, rộng



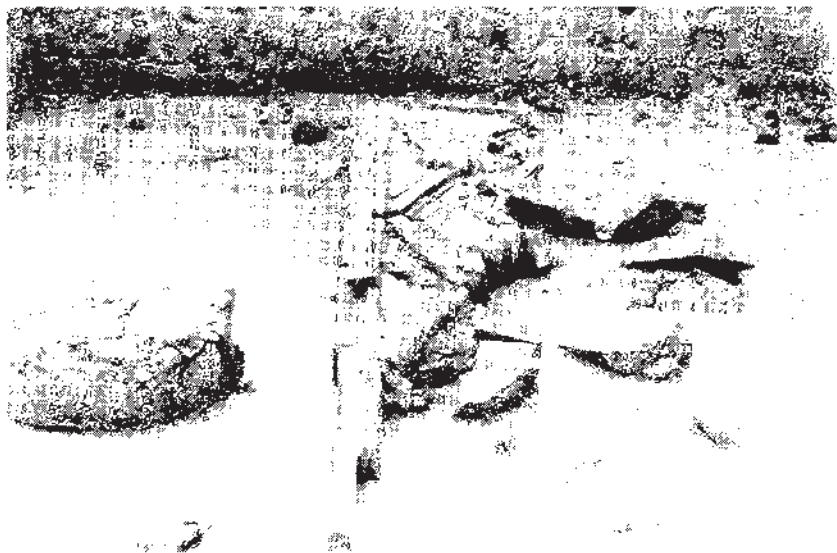
Hình trên: Bản vẽ một phần vết tích nền móng kiến trúc lăng mộ thời Trần ở Tam Đường (Thái Bình).

Ảnh bên: Chi tiết ô gạch hoa hình ca rô trong các dải gạch hoa ở lăng mộ Tam Đường.

4,55m. Trong huyệt mộ có hai lớp quách gỗ và quan tài gỗ có rất nhiều than tro, di cốt bị cháy, 3 bình gốm men, tiền đồng, chuông đồng nhỏ. Kích thước lớn và sự chôn cất công phu như vậy chứng tỏ chủ nhân mộ chắc chắn là một vị vua hay hoàng hậu nào đó của nhà Trần.

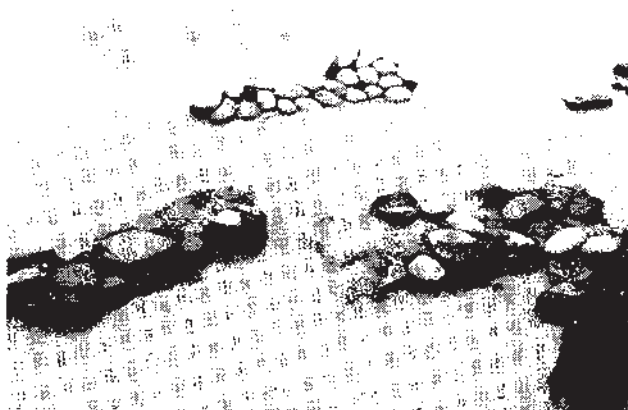
Vết tích của các kiến trúc kèm theo thường tìm thấy ở phía trước các gò mộ. Đó là vết tích của các nền móng nhà được xây xếp thành các dải hình ca rô, gạch lát nền, gạch xây, ngói lợp.

Trang trí trên các kiến trúc ở lăng mộ rất công phu. Một số lăng có các tượng đá. Qua nghiên cứu có thể thấy ở Chiêu lăng của Trần Thái Tông có tượng ngựa đá. Đặc biệt mộ của Thái sư Khai quốc công thần Trần Thủ Độ hiện còn lưu giữ được tượng hổ đá và chim đá có hình khối rất chắc khỏe. Các tượng rồng ở đây đều được làm bằng đất nung có nhiều kích cỡ, đường nét chạm trổ rất cẩn thận. Ngoài ra còn có hàng trăm lá đề chạm rồng phượng, các tượng uyên ương để trang trí trên nóc mái. Đặc điểm chung của các lăng mộ ở Tam Đường là thường có các gò mộ to lớn đắp bằng đất có kèm theo rất nhiều sỏi, kiến trúc miếu điện ở đây được xây cất chủ yếu bằng đất nung, trang trí phong phú,

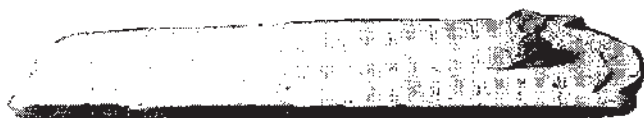


*Một góc nền gạch kiến trúc khác có ô ca rô lớn ở khu lăng mộ Tam Đường.*

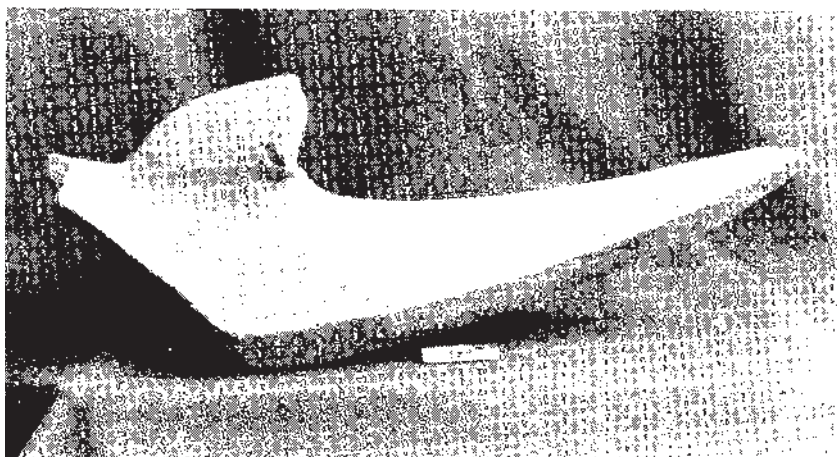




*Vết tích sỏi và  
gạch trong kiến  
trúc lăng mộ  
Tam Đường.*



*Góc đao cong đất nung ở khu lăng mộ Tam Đường.*

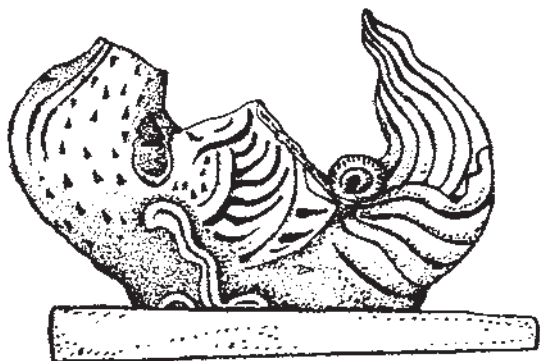
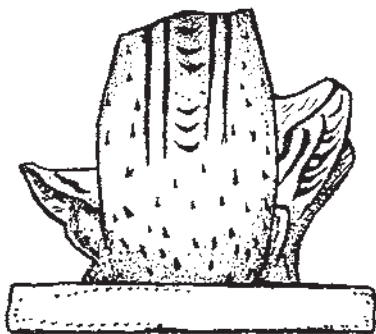


*Ngói mũi hài kép ở khu lăng mộ Tam Đường.*

công phu. Đây là một khu di tích tiêu biểu cho nghệ thuật thời Trần trong thế kỷ XIII.

Khu lăng mộ Yên Sinh nay thuộc xã An Sinh, huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh. Nơi đây có Thái lăng của Trần Anh Tông xây năm 1320, Mục lăng của Trần Minh Tông xây năm 1356, Nguyên lăng của Trần Nghệ Tông xây năm 1394, Nghệ lăng của Trần Hiến tông xây năm 1381.

*Tượng uyên ương (con vịt) - đất nung.  
Chi tiết kiến trúc trên mái. Lăng mộ  
Tam Đường.*



*Tượng rồng lớn bằng đất nung  
ở khu lăng mộ Tam Đường.*





Hình bên: Tượng đầu rồng bằng đất nung ở khu lăng mộ Tam Đường.

Hình dưới: Tượng đầu chim phượng bằng đất nung ở khu lăng mộ trên.



Các điện miếu để thờ các lăng mộ này ngày nay không còn nữa. Tuy nhiên, ở đây còn vết tích của đền thờ các vua Trần rất lớn. Đáng chú ý là một số phần mộ ở đây vẫn còn giữ được nhiều dấu tích xây cất rất đẹp. Tiêu biểu là Thái lăng của Trần Anh Tông. Thái lăng được đặt trên đỉnh một quả đồi thấp bình đồ hình vuông và được cấu trúc thành ba lớp cao dần lên. Từ phía dưới, bốn phía đều có đường đi lên lớp nền đầu tiên được quy vuông mỗi cạnh 61m. Ở phía nam của lớp nền này có vết tích của các chân tảng kiến trúc là vết tích của kiến trúc điện thờ. Từ lớp nền này lên lớp nền thứ hai ở phía nam có 3 bậc lên xuống, thành bậc chạm rồng, hai bên cũng mở bậc thềm thành bậc chạm sáu. Lớp nền thứ hai gần hình vuông, cạnh 27x25cm.

Từ lớp nền này qua một bậc thềm duy nhất phía nam có thành bậc chạm rồng sẽ lên lớp nền cao nhất ở chính giữa hình vuông (8x8m). Đây cũng chính là phần mộ của lăng.

Tuy nhiên, các lăng ở Yên Sinh có thể chỉ có phần mộ là tương tự như nhau, còn bố cục tổng thể thì có nhiều nét khác nhau. Ví dụ,

Mục lăng của Trần Minh

Tông được bố trí nằm thoải

bên bờ một con suối với

chiều dài là 154,6m, rộng

28m. Nghệ lăng của Trần

Hiển Tông, ngoài mộ

phần hình vuông còn có

đường thần đạo có bày

các cặp tượng quan hầu,

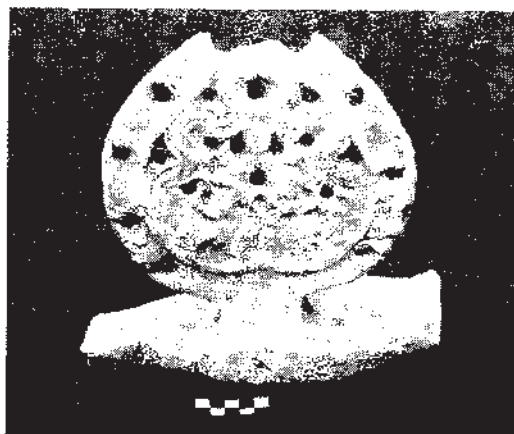
tượng trâu đá, tượng chó đá

v.v... cho đến nay vẫn còn.



Ảnh trên: Lá đề chạm hai rồng châu (đất nung). Chi tiết trang trí mái, kiến trúc lăng mộ Tam Đường.

Ảnh bên: Lá đề chạm hai chim phượng cũng bằng đất nung ở khu lăng mộ trên.





So với khu lăng Tam Đường, khu lăng ở Yên Sinh chưa tìm thấy nhiều vết tích kiến trúc điện miếu. Tuy nhiên, ở di tích này lại có những khu lăng có mặt bằng còn khá nguyên vẹn, các hình tượng trang trí chủ yếu là đá có hình khối mập khỏe. Khu lăng Yên Sinh tiêu biểu cho nghệ thuật thời Trần trong thế kỷ XIV.

Ngoài các lăng mộ chính trên đây, lẻ tẻ có một số mộ táng đã tìm thấy các di vật đặc biệt là mô hình nhà (mộ Hải Triều, mộ Hiên Khánh), mô hình tháp mộ ở Dưỡng Phú v.v... Đó có thể là các mộ táng của các bậc đại thần trong hoàng tộc nhà Trần.

Tóm lại, lăng mộ thời Trần đóng góp nhiều tư liệu quý cho việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa dân tộc thời Trần. Qua đó ta có thể biết tục hỏa táng thời Trần là phổ biến, nghệ thuật xây dựng lăng tẩm ở Tam Đường chịu ảnh hưởng rất đậm của nghệ thuật Phật giáo, mỹ thuật trang trí từ Tam Đường đến Yên Sinh ngày



Ảnh trái: Lá đề chạm rồng (đất nung). Chi tiết kiến trúc mái khu lăng mộ Tam Đường.



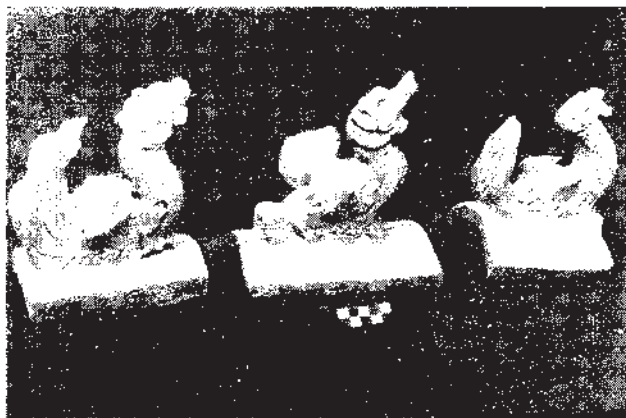
Ảnh phải: Lá đề chạm chim phượng (đất nung). Chi tiết kiến trúc mái lăng mộ trên.

càng giản đơn. Nhờ có các mộ hình nhà trong mộ Hải Triều, mộ Hiên Khánh mà chúng ta có thể biết được hình dáng, bố cục và quy mô của một đơn vị kiến trúc thời Trần. Đặc biệt, cũng từ các lăng mộ, nghệ thuật thời Trần có được những tuyệt tác tượng đá như tượng người, tượng hổ, tượng trâu, tượng chim v.v... Những tượng này không thể tìm thấy ở các di tích khác đương thời. Đó là những nét đặc sắc nhất của lăng mộ thời Trần.



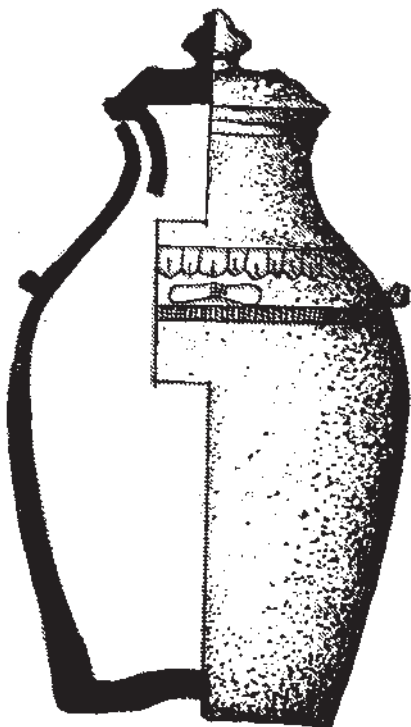
Ảnh bên: Tượng uyên ương trên ngói lợp mái. Kiến trúc lăng mộ Tam Đường.

Ảnh dưới: Các kiểu tượng uyên ương gắn trên bờ nóc mái, trong kiến trúc lăng mộ trên.





*Chậu gốm men hoa nâu, loại bình gốm đặc trưng của thời Trần, tìm thấy trong khu lăng mộ Tam Đường.*



*Lọ gốm men, vai và nắp có chạm cánh sen. Di vật chôn theo trong mộ Phần Cựu, thuộc khu lăng mộ Tam Đường.*

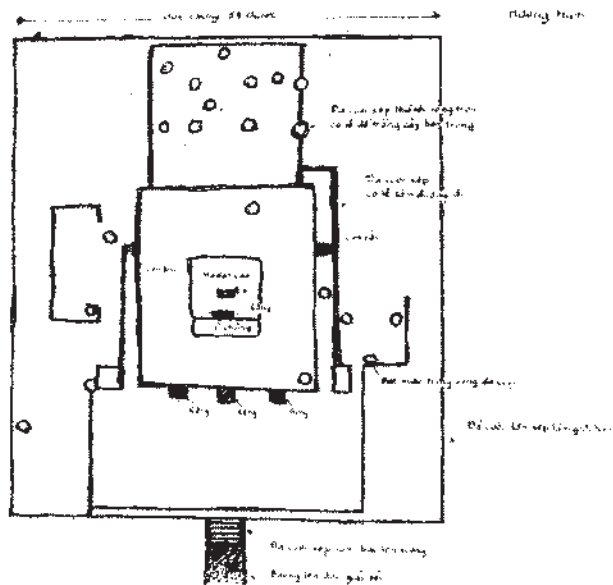


*Tượng hổ đá ở lăng Thái sư Trần Thủ Độ (Thái Bình).*

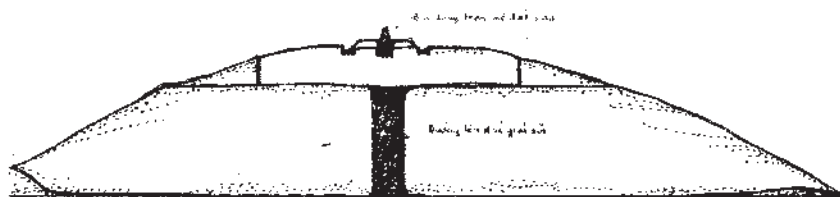


*Tượng chim đá  
ở lăng Thái sư  
Trần Thủ Độ  
(Thái Bình).*





*Mặt bằng tổng thể Thái Lăng của vua Trần Anh Tông (Yên Sinh).*



1. பெரிய மலை - கயா -

*Mặt trước của Thái Lăng.*



*Thành bậc đá chạm rồng ở Thái lăng (Yên Sinh, Quảng Ninh).*



*Toàn cảnh phế tích Nghệ lăng của vua Trần Hiến Tông  
(Yên Sinh, Quảng Ninh).*

*Vòng đồng chạm hai con rồng  
chầu thời Trần tìm thấy ở khu  
lăng mộ Yên Sinh, Quảng Ninh.*



*Đầu tượng quan hầu bằng đá ở  
lăng vua Trần Hiến Tông (Yên  
Sinh, Quảng Ninh).*



*Thân tượng quan hầu  
bằng đá ở lăng vua  
Trần Hiến Tông.*



*Tượng trâu đá ở lăng vua Trần Hiến Tông.*



*Tượng chó đá ở lăng vua Trần Hiến Tông.*





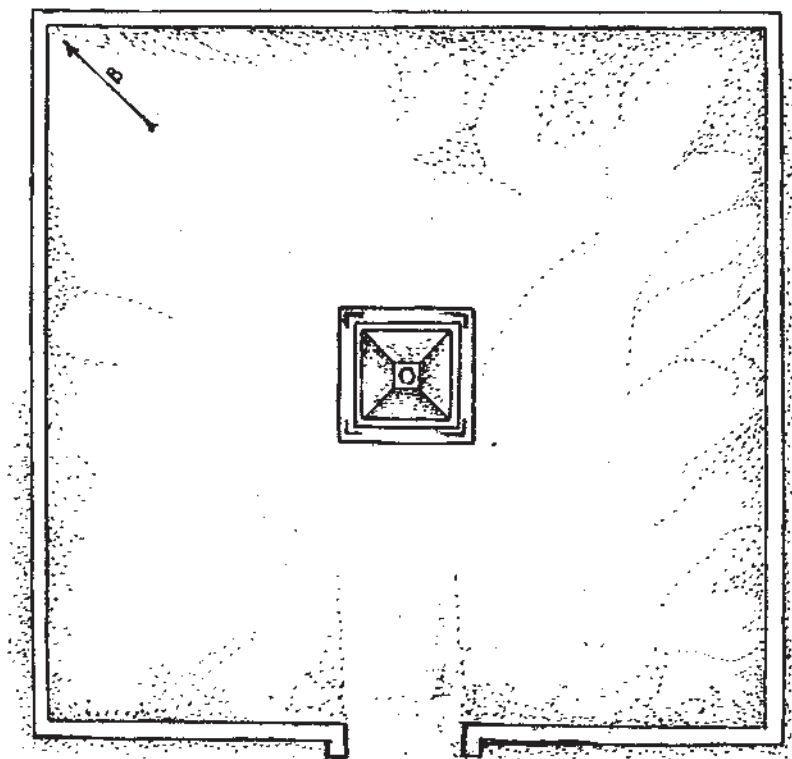
*Cặp sấu đá ở Vụ Bản (Hà Nam) vết tích kiến trúc còn lại của lăng Quốc Hương.*



*Chi tiết hoa văn trang trí trên tháp mộ đất nung Xuân Hồng thời Trần.*



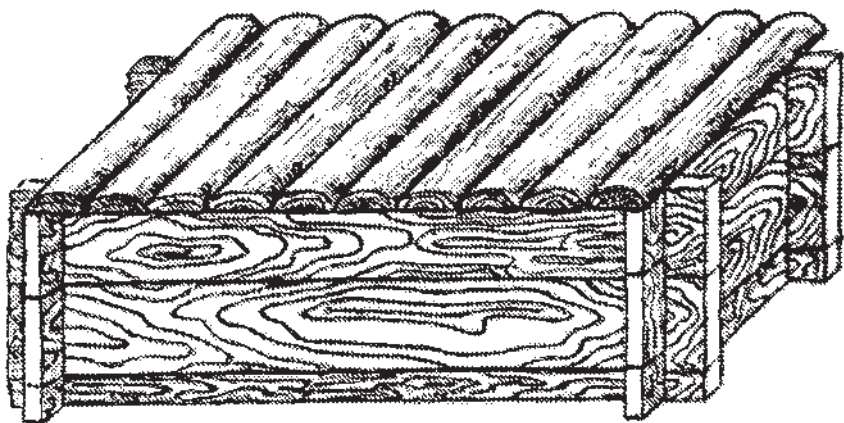
*Tháp mộ đất nung Xuân Hồng thời Trần (Hà Tĩnh).*



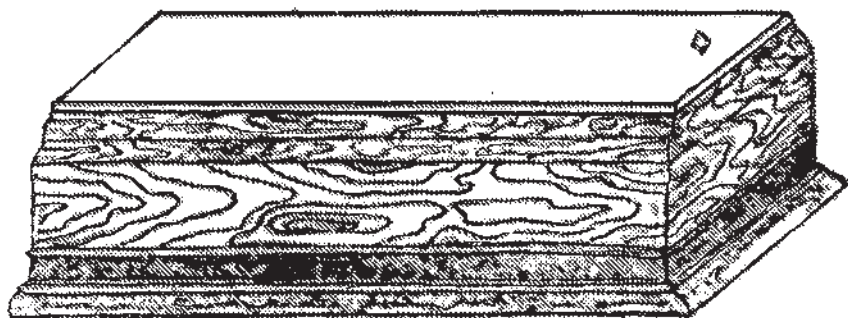
Mặt bằng mộ Xuân Hồng (chính giữa là mô hình tháp đất nung).



Mặt cắt mộ Xuân Hồng.



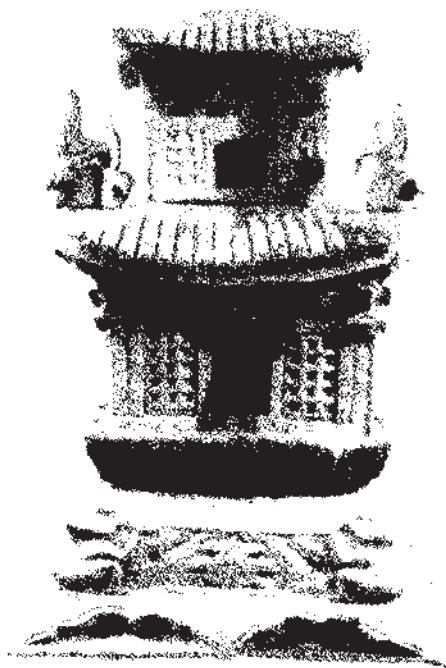
*Quách gỗ mộ Bình Xuyên, Hải Dương (thời Trần).*



*Quan tài bằng gỗ ngọc am đặt trong quách gỗ.*

Ảnh bên: Mô hình tháp đất nung  
ở mộ Dương Phú (Hưng Yên).

Ảnh dưới: Mô hình nhà đất nung  
thời Trần trong mộ Hiên Khánh  
(Hà Nam).







LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 27

NHÀ TRẦN SUY VONG

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

---

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: CÚC HUONG - LIÊN HUONG

Biên tập tái bản: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: VŨ PHƯỢNG

---

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: [nxbtre@hcm.vnn.vn](mailto:nxbtre@hcm.vnn.vn)

Website: [www.nxbtre.com.vn](http://www.nxbtre.com.vn)

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: [chinhanh@nxbtre.com.vn](mailto:chinhanh@nxbtre.com.vn)



Cuối thời nhà Trần, các vua cùng quý tộc nhà Trần chỉ thích xa hoa, triều chính ngày càng rối loạn. Cuộc sống dân chúng trở nên lầm than, cơ cực. Giờ đây, lực lượng nhà Trần suy yếu, không thể chống đỡ các cuộc tấn công của Chăm-pa. Sự suy sụp ấy càng nhanh chóng hơn bởi những tranh chấp ngay trong nội bộ triều Trần.

*Khu di tích đền Trần - chùa Tháp tại đường Trần Thừa,  
phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định*

